



STEPHEN KING

IT TAKES MANY FORMS.

NÓ

Mục lục

Tiểu Sử Nhà Văn Stephen King

Lời Khen Dành Cho Stephen King Và "It"

Phần 1: Bóng Tối Quá Khứ - Chương 1

Phần 1: Bóng Tối Quá Khứ - Chương 2

Phần 1: Bóng Tối Quá Khứ - Chương 3

IT - NÓ

Stephen King
www.dtv-ebook.com

Tiểu Sử Nhà Văn Stephen King

Stephen King (bút danh là Richard Bachman và John Swithen) là nhà văn người Mỹ thiên về thể loại kinh dị hoặc giả tưởng rất được tán thưởng khắp thế giới, đặc biệt với mô-típ biến đổi những tình huống căng thẳng bình thường thành hiện tượng khiếp đảm. Những cốt truyện kinh dị và lối viết đa dạng của King đã giúp giới phê bình chấp nhận thể loại kinh dị giả tưởng là một thành phần của nền văn học trong thế kỷ 20. Cuối năm 2006, tổng số sách ông đã bán có khoảng 350 triệu cuốn.

Sinh năm 1947 tại Portland, Maine, Stephen King viết truyện đầu tay vào năm lên 7 và bán bản quyền đầu tiên năm 18 tuổi. Ông nhận bằng bằng thạc sĩ tại Đại Học Maine, Orono vào năm 1970.

Nhiều tác phẩm của King đã được dựng thành phim, như Carrie (1976), The Shining (1980), Misery (1990), The Shawshank (1994), The Green Mile (1999)...

Stephen King là người đi tiên phong trong việc xuất bản "sách điện tử" (e-book) trên mạng internet.

Ông đã đoạt nhiều giải thưởng văn học, kể cả giải Hugo cho tác phẩm Danse Macabre (1980) và Giải thưởng Tưởng niệm O. Henry cho truyện ngắn The Man in the Black Suit (1994).

Tác phẩm mới nhất của ông là Lisey's Story, đã đạt mức bán chạy nhất nhiều tuần liền. Hầu hết tất cả các tác phẩm của ông khi tung ra đều đạt mức bán chạy nhất, nhưng có người gọi ông chỉ là một kẻ "viết truyện rùng rợn",

như một cách chệch loại văn học bình dân.

Nguồn: Wikipedia.

IT - NÓ

Stephen King
www.dtv-ebook.com

Lời Khen Dành Cho Stephen King Và "It"

"It will overwhelm you... Characters so real you feel you are reading about yourself... scenes to be read in a well-lit room only."

-Los Angeles Times

"Vintage King... a magnum opus of terror... just a glance at the first pages, and you can't put this novel aside."

-St. Louis Post-Dispatch

"A great scary book... a nightmare roller coaster... packed with more chills than a Frigidaire... 'It' turns out to be the monsterdread in us all, the one that refuses to go away."

-San Francisco Chronicle

"Chock-full of spooky stuff... a sprawling scarefest that defines King's recurring themes and adds a new set of ambitions to the mix."

-The Philadelphia Inquirer

IT - NÓ

Stephen King
www.dtv-ebook.com

Phần 1: Bóng Tối Quá Khứ - Chương 1

CHƯƠNG 1: SAU TRẬN LỮ (1957)

1

Nỗi kinh hoàng, thứ mà sẽ không bao giờ chấm dứt trong hai mươi tám năm tới-mà cho dù nếu nó có chấm dứt-thì nó sẽ cũng bắt đầu lại, theo những gì tôi biết hay có thể nói, với một con thuyền được làm từ một tờ giấy báo trôi lênh đênh trên rãnh nước mưa.

Con thuyền trôi lảo đảo, dừng cảm bước qua một vòng xoáy nước vô cùng nguy hiểm rồi tiếp tục trôi tới đường Witcham hướng về phía cột đèn giao thông nằm ở ngay ngã tư của đường Jackson và Witcham. Cây đèn tín hiệu giao thông không hề phát sáng vào buổi chiều ngày hôm đó của mùa thu năm 1957, cũng như những ngôi nhà gần đây. Ta nói suốt cả một tuần liền, trời mưa rất lớn và không những vậy, hai ngày trước đó, gió thổi ở đây vô cùng mạnh. Và hầu như cả khu vực Derry đều đã bị mất điện, và cho đến tận bây giờ, điện vẫn chưa hề lên.

Một cậu bé mặc một chiếc áo mưa màu vàng và mang một đôi boot cao su chống nước màu đỏ, vui vẻ mon men chạy theo con thuyền bằng giấy của mình. Cơn mưa tầm tã vẫn chưa hề dứt nhưng cuối cùng cũng đã bớt đi được một chút. Những giọt mưa rơi tí tách trên chiếc mũ trùm đầu của chiếc áo mưa, nghe như tiếng mưa rơi trên mái hiên vậy... một âm thanh nghe thật ấm áp và dễ chịu. Đứa trẻ trong chiếc áo mưa màu vàng đó tên là George Denbrough. Cậu sáu tuổi. Anh trai của George, tên là William, được rất nhiều

học sinh của trường tiểu học Derry biết tới (và kể cả những giáo viên, những người không dám dùng biệt danh để gọi cậu ta) với cái tên là Bill Cà Lăm. Trong lúc George đang mải mê đùa vui với con thuyền của mình thì Bill phải nằm ở nhà vì bệnh cảm cúm. Vào mùa thu năm 1957, tám tháng trước khi những điều khủng khiếp bắt đầu và hai mươi tám năm trước khi cuộc chiến cuối cùng xảy ra, Bill Cà Lăm chỉ mới có mười tuổi thôi.

Bill đã làm ra một con thuyền bằng giấy, cái mà George hiện đang chơi cùng dưới mưa. Cậu ta ngồi trên giường, tựa lưng vào chiếc gối êm ái và tập trung xếp thành chiếc thuyền cho George trong lúc mẹ cậu đang chơi bản nhạc Für Elise của Beethoven trên cây đàn piano trong phòng khách. Còn ngoài trời thì cứ mưa liên tục, những giọt mưa đó cứ thế rơi lã chã trên cửa sổ phòng Bill không ngừng nghỉ.

Còn khoảng ba phần tư đường và vài tòa nhà nữa là George tới được ngã tư và gặp cây đèn giao thông đã chết kia. Hiện giờ, đường Witcham đang bị chặn và không một chiếc xe nào được phép đi qua. Năm ngổn ngang trên con đường đó là những thiết bị dùng để phòng ngừa cây cối chết vì giá rét và bốn cái thanh chắn màu cam. Và trên mỗi thanh chắn đó có đề dòng chữ DERRY DEPT. OF PUBLIC WORKS. Còn ở ngoài xa kia, nước mưa đã tràn ra khỏi các rãnh nước bị tắc nghẽn bởi những cành cây khô, đất đá và hàng đồng những chiếc lá vàng đã rụng. Cơn mưa lớn này làm cho đường phố ngập khắp nơi, nước mưa tràn lên lề đường và gây biết bao nhiêu phiền phức-tất cả những mớ hỗn độn này xuất hiện vào ngày thứ ba của cơn mưa. Và cho đến chiều hôm thứ tư, những thứ linh tinh trên con đường đó đều bắt đầu trôi đi theo dòng nước qua tới ngã tư của đường Jackson và Witcham, y như là những chiếc bè thu nhỏ trôi lênh bênh trên dòng nước hung dữ. Vì thế nên vào ngay thời điểm đó thì nhiều người ở Derry bắt đầu lấy câu chuyện về con thuyền của Noah để nói đùa với nhau. Nhưng dù sao đi nữa thì bộ phận công trình công cộng cuối cùng cũng đã mở đường Jackson để cho xe ra vô thành công, nhưng còn đường Witcham thì... đành phải bó tay vì họ không tài nào

làm được. Vì thế nên, từ nơi những chiếc thanh chắn đang dựng đứng cho tới tận trung tâm thị trấn, không một chiếc xe nào có thể đi qua con đường Witcham này.

Nhưng rồi tất cả mọi người đều đồng ý rằng những điều tồi tệ nhất đã kết thúc. Mực nước của dòng sông Kenduskeag đã dâng lên nhưng không hề tràn khỏi bờ ở khu vực Barrens và nó ở chừng vài inches dưới cạnh bê tông của con kênh Canal kết nối với dòng sông, giúp nước được lưu thông và chảy tới tận trung tâm thị trấn. Và ngay lúc này, một nhóm người-Zack Denbrough, ba của George và Bill, đứng giữa hai đứa trẻ- đang dời đi những túi cát mà họ đã bỏ đi ngày hôm trước trong sự vội vàng và hoảng hốt. Chắc là do hồi hôm qua, nước lũ và những thiệt hại lớn do nó gây ra đã được dự báo là gần như chắc chắn sẽ xảy ra và không thể nào tránh được. Nhưng trời Phật biết rằng nó đã xảy ra trước đó rồi-trận lũ kinh hoàng của năm 1931 thực sự là một thảm họa và nó đã gây ra biết bao nhiêu là tổn thất lên tới hàng triệu đô la và đã cướp đi hai chục sinh mạng vô tội. Dù sao đi nữa thì chuyện đó cũng đã qua lâu rồi, nhưng cho đến tận bây giờ vẫn còn nhiều người nhớ tới nó để kể lại và hù những người khác trong thị trấn. Một trong những nạn nhân của trận lũ kinh hoàng đó đã được tìm thấy cách đây hai mươi lăm dặm về phía đông, ở Bucksport. Một vài con cá đã ăn mất hai con mắt, cắn đứt ba ngón tay, dương vật và rìa gần hết bàn chân của người đàn ông xấu số này. Và hơn hết, trên hai bàn tay của ông ta vẫn còn nắm chặt chiếc vô lăng của chiếc xe hơi hãng Ford.

Còn hiện giờ, dòng sông đang dần rút đi và cho đến khi con đập mới xây Bangor Hydro chặn được dòng chảy ở thượng nguồn thì con sông mới trở nên bớt nguy hiểm, theo như Zack Denbrough, người làm việc cho công ty Bangor Hydroelectric nói. Những trận lũ lụt trong tương lai giờ đây có thể "tự lo" cho chúng. Nhưng vấn đề quan trọng nhất cần phải được giải quyết ngay bây giờ là phải làm cho cả thị trấn có điện trở lại và sau đó tất cả mọi người sẽ phải cố quên đi chuyện này. Ở Derry, quên đi những thảm họa và

những bi kịch như thế này là chuyện thường tình và nó gần như trở thành một dạng "nghệ thuật", nhưng tôi chắc chắn một điều là Bill sẽ luôn đi tìm hiểu và sẽ luôn phát hiện ra hàng loạt những thảm họa kinh hoàng và những bi kịch mà đã bị người dân ở Derry cố tình lãng quên suốt một thời gian dài.

George dừng lại ở phía xa những cái thanh chắn đó và đứng bên cạnh một khe nước trên đường Witcham. Khe nước này chạy theo một đường chéo hoàn hảo. Điểm kết thúc của nó nằm ở bên hông đường phía xa; và từ nơi George đứng, khe nước chạy tuốt xuống ngọn đồi khoảng chừng bốn mươi feet về phía tay phải. Cậu bé cười to-một giọng cười thể hiện rõ sự hồn nhiên, vui tươi và sung sướng của một đứa trẻ đang vui đùa dưới mưa vào một buổi chiều tà-trong lúc dòng nước chảy xiết mang con thuyền giấy vào cái ghềnh nước mà đã được hình thành bởi những vết nứt trên con đường. Dòng nước chảy mạnh mẽ và liên tục trong khe, đưa con thuyền của cậu bé từ cạnh này sang cạnh kia của con đường. Vì dòng chảy quá mạnh và quá nhanh nên George phải luôn chạy hết tốc lực để theo kịp con thuyền. Cậu bé hí hục chạy theo, nước mưa bên dưới đôi chân cậu văng tung tóe khắp nơi cùng với bùn đất. Không một ai có thể ngờ rằng, George đang chạy tới tử thần, nơi cái chết đau thương của chính mình sẽ diễn ra. Vào khoảng thời gian vui đùa đó, cái cảm giác lấp đầy bên trong người cậu bé thật rõ ràng và đơn giản: đó chính là tình yêu và sự mến thương của cậu dành cho người anh trai... và kể cả sự tiếc nuối khi Bill không có mặt ở đây để chơi cùng với mình. Đương nhiên khi trở về nhà, George sẽ cố gắng diễn tả lại buổi chiều ngày hôm đó cho Bill mặc dù cậu ta biết rằng mình vốn không đủ khả năng cho Bill thấy được hoàn toàn những gì cậu đã thấy. Nhưng nếu như hai người thay thế vị trí cho nhau thì có lẽ Bill sẽ làm được như thế. Bill rất giỏi trong việc đọc và viết, tuy chỉ mới có 6 tuổi thôi nhưng George biết được đó không phải là lý do duy nhất vì sao Bill toàn nhận được điểm A trong những bài kiểm tra hoặc vì sao rất nhiều thầy cô yêu thích những bài văn của Bill. Kể ra chỉ là một phần của lý do thôi. Thực chất, Bill rất giỏi trong việc nhìn nhận sự vật.

Con thuyền trôi nhanh trên khe nước, tuy nó chỉ là một tờ giấy được bứt ra từ phần quảng cáo của tờ báo Derry News, nhưng giờ đây George tưởng tượng nó là một con thuyền PT trong một bộ phim nói về chiến tranh mà cậu đã xem ở rạp Derry cùng với Bill vào sáng thứ bảy. Đột nhiên, hình ảnh diễn viên John Wayne chiến đấu với nhân vật The Japs trong một bộ phim mang tên The Fighting Seabees xuất hiện trong đầu cậu bé. George chạy theo, thích thú nhìn con thuyền mình trôi nhanh đi và dùng mũi của nó để rẽ nước sang hai bên. Một lúc sau, con thuyền giấy trôi tới rãnh nước ở hông bên trái của đường Witcham. Một dòng nước nhỏ trong veo như một dòng suối chảy qua vết nứt trên con đường lúc này, tạo ra một vòng xoáy nước to, và ôi không! Dường như con thuyền đó sắp bị lật úp và nhấn chìm. Nó cứ nghiêng qua nghiêng lại nhiều lần khiến cậu bé thắng thốt, nhưng một vài giây sau, bằng cách nào đó, con thuyền giữ thăng bằng lại được, rồi lại tiếp tục trôi tới ngã tư trong sự reo hò của George. Cậu bé cứ thế tiếp tục chạy theo con thuyền nhỏ. Cùng lúc đó, một cơn gió mạnh và hung dữ của tháng mười thổi qua trên đầu cậu bé, rung lắc những tán lá trên cây nghe xào xạc và đưa những chiếc lá vàng khô đã rụng cuốn theo nó.

2

Ngồi thoải mái trên chiếc giường êm ái, đôi má của Bill nóng và đỏ bừng lên (mặc dù cơn sốt của cậu cuối cùng đã thuyên giảm). Bill chỉ vừa mới làm xong chiếc thuyền bằng giấy thôi-nhưng đến khi George định cầm lấy nó thì Bill ngay lập tức giật đi và để nó xa khỏi tầm tay George. "Kh-khoan đã, anh vẫn chưa làm xong đâu, Georgie. B-bây giờ đi lấy cho anh s-sáp paraffin đi."

"Đó là cái gì vậy, anh Hai? Nó ở đâu hờ anh?"

"Nó ở trên-trên kệ dưới t-tầng hầm đó. Nó nằm trong cái hộp g-ghi là Gulf. Mang nó cho anh, cùng với m-một con dao, một cái t-tô và một hộp diêm."

George vâng lời anh trai và bắt đầu đi tìm những thứ đó. Cậu bé có thể

nghe rõ tiếng mẹ cậu chơi đàn piano, không phải bản Für Elise huyền thoại của Beethoven mà là bài gì đó mà cậu không thích nghe cho lắm-bài gì mà nghe thật là khô khan và buồn phiền; George còn có thể nghe được tiếng mưa rơi tí tách liên tục trên cửa sổ nhà bếp nữa. Những âm thanh này nghe thật dễ chịu, nhưng cái suy nghĩ về tầng hầm đó thực sự không dễ chịu tí nào. George rất ghét tầng hầm, và cậu ta không bao giờ thích bước xuống dưới đó, bởi vì cậu luôn tưởng tượng có thứ gì đó vô cùng đáng sợ đang đợi cậu ở bên dưới trong bóng tối. Đương nhiên, điều đó nghe thật là buồn cười, ba mẹ cậu ai cũng nói như thế và kể cả Bill cũng nói như vậy. Nhưng mà...

George vẫn không thích tầng hầm tí nào. Không những vậy, việc mở cánh cửa tầng hầm ra và bật đèn lên cậu cũng không hề thích nữa. Đó là bởi vì cậu ta luôn có một ý nghĩ này trong đầu-nhưng vì cho rằng nó quá ngu ngốc nên cậu không dám kể cho ai nghe-là trong lúc cậu ta lấy tay mò tới công tắc đèn để bật lên thì đột nhiên có một bàn tay găm ghìếc đầy móng vuốt nhẹ nhàng đặt lên cổ tay của cậu rồi sau đó bất thành linh kéo cậu ta xuống dưới tầng hầm tối tăm, âm u, ẩm thấp và đầy mùi hôi thối đó, rồi cuối cùng nó đóng và khóa cửa lại để nhốt cậu ở dưới đây.

Ý nghĩ này thật là ngu ngốc! Trên đời này làm gì có thứ đầy lông lá và móng vuốt nhọn hoắt và cực kỳ khát máu thế kia. Trên đời này không có quái vật dữ tợn, mà chỉ có những kẻ điên loạn giết người hàng loạt mới đáng sợ mà thôi-nhiều lúc biên tập viên Chet Huntley cũng hay nói về những thứ như vậy trên thời sự lắm-và tất nhiên là trên thế giới này cũng có những tên cộng sản tâm thần và cũng hay đi hại người khác. Nhưng mà cái ý nghĩ chết tiệt này vẫn còn mắc kẹt ở trong đầu cậu. Trong lúc George đang mò tới công tắc đèn với tay phải của mình (còn tay trái của cậu thì đang bám chặt lấy khung cửa), thì mùi hôi thối từ tầng hầm trở nên nồng nặc hơn bao giờ hết, đối với cậu, cái mùi hôi đó như muốn bao trùm cả thế giới vậy. Những mùi hôi xuất phát từ bùn đất, bụi bẩn và mùi ẩm mốc xuất phát từ cây khô, hoa héo đã hòa hợp với nhau cùng với cái mùi mà ta nói khi ngửi thì không thể nào nhầm vào

đâu được, đó là cái mùi đặc trưng mà "thúi de sâu luôn" của một con quái vật dữ tợn, và chắc chắn chỉ có lũ quái vật mới có cái mùi thúi như vậy thôi. Đó là cái mùi của một cái gì đó rất kinh dị mà George không diễn tả được nên cậu ta gọi tạm đó là mùi của Nó. Và cậu ta có cảm giác rằng có một con quái vật đang lẩn trốn bên dưới và nó sẵn sàng leo lên cầu thang để vồ vào mặt rồi ăn thịt cậu. Một con quái vật khát máu và hung dữ, nó có thể ăn bất cứ thứ gì cũng được, nhưng George tin chắc món ăn yêu thích nhất của nó chính là máu tươi và thịt sống của những đứa trẻ ngây thơ vô tội.

George đã mở được cánh cửa tầng hầm vào sáng hôm đó và đang dùng một tay để mò công tắc đèn trong lúc tay kia của cậu bám chặt vào khung cửa. Đôi mắt của cậu nheo lại, còn đầu lưỡi thì thè ra một chút từ mép miệng giống như là rễ cây đang đi tìm nguồn nước cho mình ở một vùng đất khô cằn và hạn hán. Cảm thấy kì cục? Chắc chắn rồi! Nhìn kìa, Georgie sợ bóng tối và quái vật! Đúng là cái đồ nhát cáy!

Âm thanh của cây đàn piano vang lên từ phòng khách. Giai điệu và âm thanh của những phím đàn nghe thật du dương và mềm mại. Và chúng dường như không thuộc về thế giới này, những âm thanh đó nghe như xuất phát từ một thế giới khác, một thế giới xa xôi nào đó...

Những ngón tay của George cuối cùng tìm thấy công tắc! A!

George bật lên-

-và chẳng có gì xảy ra hết. Đèn không hề sáng.

Ôi má ơi, cúp điện!

Ngay lập tức, cậu rút tay mình ra khỏi bóng tối như rút tay ra khỏi một cái rổ chứa đầy rắn. George bước lùi ra khỏi cánh cửa, tim cậu đập loạn nhịp. Đương nhiên là điện đã mất từ lâu rồi-chỉ mấy giây trước đó thôi, cậu ta quên

mất rằng nhà mình đang bị cúp điện. Lạy hồn! Giờ sao đây? Hồng lẽ giờ cậu ta phải chạy vào phòng và nói với anh Hai mình là cậu không lấy được cái hộp sáp đó chỉ vì nhà bị cúp điện và cậu ta sợ có thứ gì đó sẽ lôi mình xuống tầng hầm hôi thối trong lúc cậu đang đứng trên cầu thang và mãi mê mò công tắc đèn, một thứ gì đó không phải là một kẻ giết người hàng loạt biến thái hay là một tên cộng sản tâm thần nào đó, mà là một sinh vật kinh tởm và ghê gớm hơn nhiều? Một sinh vật nhớp nhúa mà có khả năng biến hình và thích ăn thịt trẻ con? Một sinh vật mà có khả năng phóng đại kích thước của chính nó? Những người khác sau khi nghe xong chuyện này, chắc chắn sẽ cười như mấy con chó điên bị ve cấn. Nhưng nếu là Bill thì chắc chắn cậu ấy sẽ không cười, mà trở nên vô cùng bức mình bởi em trai mình. Và thế nào Bill cũng sẽ nói câu như thế này: "M-mày lớn rồi, Georgie. Đừng có nh-nhát như thỏ đế nữa... Giờ nói anh mày ng-nghe coi, mày có c-còn muốn con thuyền này nữa h-hay không?"

Trong lúc suy nghĩ một hồi thì Bill gọi cậu từ phòng ngủ của mình: "Bộ mày ch-chết ngoài kia rồi hả, Juh-Georgie?"

"Dạ hong. Em đang đi tìm mấy thứ mà anh Hai cần đây nè," George đáp. Cậu bé chà mạnh vào cánh tay của mình, cố gắng làm cho hết bị nổi da gà. "Tại này em khát nước quá nên sẵn tiện vào nhà bếp rót chút nước để uống đó mà."

"Vậy thì l-lẹ lên!"

Nghe anh trai nói xong, George ráng bước xuống bốn bậc thang tới kệ đựng đồ, tim của cậu đập mạnh, mạch máu bên trong cổ nghe đập thành thịch thịch rõ, lông phía sau gáy như muốn dựng đứng, đôi mắt cậu đỏ hoe vì nóng bừng lên, còn đôi bàn tay thì lạnh buốt như tuyết. George nhìn đằng sau và run lên vì sợ cánh cửa phía sau cậu sẽ tự động đóng và khóa lại bất thành lình và chặn đi ánh sáng duy nhất chiếu từ cửa sổ nhà bếp tới cầu thang tầng hầm. Và ngay sau đó, George sẽ nghe tiếng của Nó, một thứ âm thanh của một thứ

gì đó mà nó khủng khiếp hơn những kẻ giết người hàng loạt và những tên cộng sản điên rồ trên thế giới này, và nó còn đáng sợ hơn cả The Japs, Attila, The Hun và tất cả thể loại ma quỷ trong những bộ phim kinh dị ăn khách nữa. Nó, sẽ găm lên dữ dội-cậu ta sẽ nghe được những tiếng găm gừ đó vài giây trước khi Nó vồ lấy cậu và moi móc ruột, gan, phèo, phổi ra khỏi cơ thể.

Cái mùi của tầng hầm hôm nay phải nói là là thối hơn những ngày trước, chắc là do trận lũ. Ngôi nhà của gia đình Denbrough nằm ở trên đường Witcham, gần đỉnh của ngọn đồi nên tránh được những gì tệ nhất của trận lũ, nhưng ở đó vẫn có những vũng nước đọng cực kỳ bẩn từ từ rỉ xuống tầng hầm thông qua lớp đá bên ngoài ở phần dưới cùng của căn nhà. Cái mùi đó nghe thật khó chịu và kinh tởm, khiến bạn phải bịt mũi lại nếu như xuống đây.

George vừa nhìn vừa lướt qua những món đồ trên kệ nhanh nhất có thể-một vài cái hộp xi đánh giày Kiwi cũ kỹ và vài miếng giẻ rách dùng để đánh giày, một cái đèn bão đã hư, hai chai nước lau kính Windex dùng sắp hết, một cái hộp đựng sáp đánh bóng xe Turtle Wax. Vì một lý do gì đó mà cái hộp Turtle Wax dễ dàng thu hút cậu bé, khiến cậu ta phải dành ra khoảng ba mươi giây chỉ để nhìn hình chú rùa in trên cái nắp hộp với ánh mắt như bị thôi miên. Sau đó, George quăng nó sang một bên... A! Nó đây rồi, một cái hộp hình vuông có đề chữ Gulf.

George lập tức cầm lấy nó và chạy một mạch lên cầu thang nhanh nhất có thể, cậu ta chợt nhận ra phần áo sơ mi dài xuống thắt lưng của mình bị lộ ra ngoài và tin chắc rằng nó là thứ sẽ khiến cậu thất bại trong việc chạy trốn. Cụ thể là cái thứ mà ở dưới tầng hầm đang cho cậu ta gần thoát khỏi nơi đó, nhưng ngay sau đó, Nó sẽ nắm lấy phần áo sơ mi dài xuống thắt lưng của cậu rồi nhanh chóng kéo cậu xuống dưới đó và-

Lên tới được nhà bếp, cậu ta đóng cửa tầng hầm lại một cách nhẹ nhàng nhưng không khép. George dựa lưng vào cánh cửa với đôi mắt nhắm tịt, mồ

hôi mồ kê đổ khắp hai cánh tay và vầng trán, chiếc hộp sáp paraffin được nắm chặt trong lòng bàn tay.

Âm thanh của cây đàn piano bỗng dừng lại, và giọng nói của mẹ cậu vang lên: "Georgie, bộ con không thể đóng cửa tầng hầm thật khít sao? Lần sau con có xuống dưới đó thì nhớ đóng cửa thật chặt vào nhe con."

"Dạ con nhớ rồi," cậu bé đáp.

"Georgie... Thằng bất tài," Bill nói vọng ra từ phòng ngủ của mình với giọng thật trầm để mẹ cậu không thể nghe thấy.

George cười thầm. Nỗi sợ hãi đã hoàn toàn biến mất; nó bước ra khỏi tâm trí của cậu bé dễ dàng như một cơn ác mộng của một người đàn ông chấm dứt ngay sau khi ông ta vừa tỉnh dậy với cơ thể lạnh toát và ướt sũng, miệng thở hồng hển; người đàn ông sau đó tự gỡ đầu và nhìn xung quanh mình để chắc chắn rằng không có chuyện gì xảy ra hết, rồi sau đó bắt đầu quên nó dần đi. Một nửa của cơn ác mộng bỗng dừng biến mất đúng lúc ông ta đặt hai bàn chân mình xuống dưới đất; ba phần tư của nó tự động biến đi mất vào lúc ông bước ra khỏi phòng tắm; rồi nguyên cả một cơn ác mộng trôi vào sự quên lãng vừa lúc ông ta mới ăn sáng xong. Tất cả đều biến mất... nhưng nếu như gặp lại nó một lần nữa, tất cả nỗi sợ hãi của ông sẽ lại được nhớ tới.

Con rùa đó, George suy nghĩ trong lúc bước tới cái tủ, nơi có chứa hộp diêm. Hình như mình thấy nó ở đâu rồi thì phải.

Nhưng không một ai trả lời nên cậu thôi suy nghĩ về nó.

George lấy được hộp diêm từ cái tủ kia, một con dao từ giá treo của nó (trên tay cậu cầm cán dao cẩn thận và không để mũi dao chĩa vào mình đúng lời ba dạy), và một cái tô nhỏ từ cái tủ để trong phòng ăn. Rồi cậu bé trở lại phòng Bill.

"Là-làm gì mà l-lâu thế hở? Đúng là c-cái đồ lè mẽ," Bill Cà Lăm nói với George, sau đó cậu dẹp những thứ linh tinh trên bàn ngủ sang một bên, trong đó gồm: một cái ly thủy tinh, một bình nước, một hộp giấy Kleenex, sách vở, một chai Vicks VapoRub-cái mùi xuất phát từ đờm trong họng và nước mũi của Bill lan tỏa khắp phòng. Ở đó còn có một cái radio Philco đời cũ nữa, và nó đang chơi nhạc của Little Richard chứ không phải nhạc của Chopin hay Bach... Bài hát nghe thật nhẹ nhàng, nó nhẹ nhàng tới nỗi làm cho chính Little Richard phải xao xuyến. Nhưng mẹ của hai cậu, người đã học chơi nhạc piano cổ điển ở Juilliard, rất ghét nhạc rock and roll. Bà không đơn thuần chỉ là ghét thôi đâu, bà ta còn cho rằng nó là một sự sỉ nhục đối với nền âm nhạc.

"Em hong có lè mẽ," George nói. Cậu bé ngồi xuống mé giường của anh trai mình và để những thứ cậu tìm được lên trên bàn ngủ.

"Tao th-thấy mày lè mẽ," Bill khẳng định. "Ở tr-trong nhà này, c-có ai lè mẽ nh-như mày đâu."

George cố gắng thử nghĩ xem còn ai trong nhà lè mẽ như mình. Chợt nghĩ ra được một người, cậu ta cười khúc khích: "Anh cũng lè mẽ như em thôi. Anh là lè mẽ nhất nhà đấy."

"Kh-không đâu, mày m-mới là người l-lè mẽ nhất nh-nhà đấy," Bill bắt đầu cười khúc khích theo đứa em trai.

"Hong, chính anh mới là người lè mẽ nhất đó," George đáp lại. "Em lè mẽ ít hơn."

Cả hai đùa giỡn với nhau liên tục và Bill không thể tập trung vào việc chính. Cậu ta nói em trai mình là lè mẽ nhất nhưng George lại kiên quyết nói chính cậu mới là người lè mẽ nhất nhà, và cứ thế hai người cãi nhau dữ dội. Cuối cùng, Bill lỡ miệng nói ra từ mà cậu không được phép nói-cậu ta nói

George là con chó lễ mễ nhất nhà, một con chó vô tích sự, chẳng làm nên trò trống gì cả-rồi sau đó cả hai lẫn ra cười bể bụng. Nhưng tiếng cười của Bill ngay sau đó trở thành những tiếng ho kéo dài liên tục không ngừng. Tiếng cười của hai đứa trẻ từ từ lắng dần xuống (lúc đó khuôn mặt Bill trở nên tái nhợt, khiến George cảm thấy lo lắng) và âm thanh của cây đàn piano dừng lại một lần nữa. Cả hai nhìn về phía phòng khách, lắng nghe tiếng ghế của cây đàn kéo cọt kẹt và tiếng bước chân của người mẹ. Bill lấy tay che miệng mình lại, cố gắng kềm chế cơn ho của mình, và đồng thời lấy tay kia chỉ vào bình nước. George cầm lấy cái bình và rót miếng nước vào ly để anh trai mình uống.

Âm thanh của cây đàn piano lại vang lên một lần nữa-vẫn là bản Für Elise bất hủ đó. Bill sẽ không bao giờ quên được bản nhạc đó, cho dù hàng chục năm có trôi qua, nó vẫn sẽ tồn tại trong tâm trí của cậu và sẽ làm cho cậu ta sồn cả da gà mỗi khi nghe lại; lúc đó tim của cậu ta sẽ thắt lại và những kí ức kinh hoàng sẽ ủa về: Mẹ đã chơi bản nhạc đó vào ngày em trai mình chết thảm.

"Anh còn ho nữa hong?"

"Không."

Bill rút miếng khăn giấy ra khỏi hộp Kleenex, mũi cậu khụt khịt, cổ họng khọt khẹt, cậu ta khạc một đống đờm vô miếng giấy, cuộn tròn nó lại rồi quăng nó vào thùng rác ngay cạnh giường. Sau đó, cậu ta cầm lấy chiếc hộp sáp paraffin và mở nó ra. Bill lắc thật mạnh sao cho cả cục sáp rơi xuống lòng bàn tay mình. George chăm chú nhìn anh trai mình và không nói bất cứ một lời nào hết. Đó là bởi vì từ xưa đến nay, George biết rằng Bill không hề thích cậu nói chuyện mỗi khi Bill đang tập trung làm việc. Cậu bé nghĩ rằng nếu như cậu ta cứ giữ im lặng như thế thì Bill sẽ giải thích cho cậu nghe những gì Bill đang làm.

Bill cắt ra một miếng sáp nhỏ bằng con dao George đã đưa cho. Rồi cậu ta để nó vào cái tô, sau đó quẹt một que diêm và đặt nó lên trên miếng sáp paraffin. Cùng với nhau, hai cậu bé nhìn chăm chú vào ngọn lửa nhỏ màu vàng đang cháy sáng, mặc kệ tiếng gió thổi vù vù bên ngoài và tiếng mưa tạt mạnh vào cửa sổ.

"Anh phải làm cho chiếc thuyền này không thấm nước. Nếu không, khi em thả trôi ngoài trời mưa thì nó sẽ bị ướt nhem hết và tự chìm xuống đấy," Bill nói. Khi ở bên cạnh George, Bill ít bị cà lăm hơn-đôi lúc cậu ta còn không hề nói vấp một chữ nào. Nhưng khi ở trường thì việc giao tiếp đối với Bill trở nên gần như bất khả thi. Những cuộc đối thoại thường hay bị ngắt quãng bởi tật nói lắp bắp của cậu, và chính điều đó khiến nhiều người cảm thấy nản khi nói chuyện với cậu ta. Những đứa trẻ trong trường thường hay hướng mắt nhìn về chỗ khác trong lúc Bill đang cố gắng rặn từng chữ một ra khỏi cái miệng bướng bỉnh của mình. Cậu ta cảm thấy vô cùng lúng túng, khuôn mặt cậu bỗng đỏ bừng lên, tay cậu nắm chặt vào cạnh bàn học, đôi mắt nhắm tịt, còn miệng thì liên tục vấp chữ. Đôi khi-thông thường-những từ Bill muốn nói sẽ tuôn ra. Nhưng cũng có lúc chúng bị kẹt luôn trong cuống họng cậu. Hồi đó, khi Bill mới có ba tuổi thôi, cậu ta bị một chiếc xe hơi tông phải và hất sang bên hông của một tòa nhà, khiến cậu bất tỉnh suốt bảy tiếng đồng hồ trong bệnh viện. Người mẹ của hai đứa trẻ nói rằng tai nạn đó chính là nguyên nhân dẫn tới việc Bill bị cà lăm như thế này. Nhưng có lần lúc, George có cảm giác rằng ba cậu-và anh trai của mình-không chắc về chuyện đó.

Miếng sáp paraffin trong tô tan chảy gần hết. Ngọn lửa ôm lấy que diêm cháy yếu dần, chuyển thành màu xanh, rồi tắt đi. Bill nhúng ngón tay của mình vào dung dịch, và ngay sau đó vội rút nó ra. "Ui da, nóng quá," Bill kêu lên, cậu ta nhìn George và cười. Một vài giây sau, cậu ta lại nhúng ngón tay mình vào đó một lần nữa, rồi bắt đầu trét dung dịch lên một mặt của con thuyền.

"Anh cho em làm thử được hong?" George hỏi.

"Được. Nhưng đừng có làm đổ sáp xuống mền giường anh nghe chưa. Làm đổ bao nhiêu giọt thì mẹ sẽ đánh em bấy nhiêu roi đó."

George nhúng một đầu ngón tay mình vào dung dịch paraffin khi nó đã nguội bớt, rồi bắt đầu trét nó lên mặt kia của chiếc thuyền.

"Đừng có trét lên nhiều quá, cái thằng này!" Bill la lên. "Mày muốn con thuyền ch-chìm chìm à?"

"Em xin lỗi."

"Thôi không sao hết. Cứ làm tiếp đi, nhớ đừng trét lên nhiều quá là được rồi."

George đã trét xong mặt kia của chiếc thuyền. Cậu thử cầm nó trên tay và cảm giác nó nặng hơn một chút, nhưng không nhiều. "Đã quá," cậu bé nói. "Em sẽ cho con thuyền này ra khơi ngay bây giờ."

"Ừ, sao cũng được," Bill nói. Trông cậu ta có vẻ hơi mệt, chưa khỏe hẳn.

"Ước gì anh có thể đi cùng với em," George nói. Cậu bé thật sự rất muốn anh Hai đi ra ngoài chơi với mình. Mặc dù Bill có vẻ hơi hách dịch một chút, nhưng Bill luôn nghĩ ra được nhiều trò chơi thú vị cho George. "Dù gì nó cũng là con thuyền của anh mà."

"Cô ấy," Bill nói. "Em phải gọi chiếc thuyền là cô ấy."

"Dạ được."

"Anh cũng ước gì có thể đi với em," Bill nói với vẻ mặt rầu rĩ.

"Vậy thôi, em đi nhé," George bắt đầu rời đi, trên tay cậu cầm chiếc

thuyền.

"Em nhớ mặc áo mưa trước khi ra đường nhé," Bill nhắc nhở, "nếu không là sẽ bị cảm cúm như anh đấy. Nhưng cũng có thể là em đã bị anh lây bệnh từ lâu rồi."

"Cám ơn anh Hai nhiều lắm. Con thuyền anh làm rất đẹp." Và ngay sau đó, George làm một việc mà cậu đã không làm từ lâu lắm rồi, một việc khiến Bill không bao giờ quên được: cậu bé dựa vào và hôn má anh Hai mình.

"Đảm bảo thế nào nhóc cũng sẽ bị anh lây bệnh cho coi," Bill nói như thế, nhưng trong lòng cậu ta đang cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Bill mỉm cười với George. "Còn một việc nữa, em dẹp hết mấy đồ đồng đồ này dùm anh đi nhé. Nếu không, mẹ sẽ nổi tr-trận lôi đình đó."

"Dạ được." Cậu bé cầm lấy những thứ dùm để làm cho con thuyền chống nước, rồi từ từ bước ra khỏi phòng. Hộp sáp paraffin cậu để trong cái tô, còn con thuyền thì cậu để chênh vênh trên cái hộp đó.

"Juh-Juh-Georgie?"

George quay lại đằng sau, nhìn anh trai.

"Đi c-cẩn thận nhé."

"Dạ." Trán của cậu bé gấp lại thành vài nếp nhăn. Đáng lẽ, câu nói đó chỉ có ba mẹ, người lớn nói thôi chứ, làm gì có anh trai. Thực sự, câu nói đó của Bill cũng kì lạ như nụ hôn George dành tặng cho Bill. "Em đi nhé."

George bước ra khỏi nhà. Bill mất em trai mình mãi mãi.

3

Tiếp tục câu chuyện. George đã bước ra khỏi nhà và hiện giờ đang cố

gắng đuổi theo con thuyền trôi sang hông bên trái của đường Witcham. Cậu bé chạy hết tốc lực của mình nhưng dòng nước lại chảy đi nhanh hơn và kéo con thuyền về phía trước, không cho cậu đuổi kịp. George nhìn về phía xa, hơn bốn mươi lăm mét trở xuống ngọn đồi, dòng nước bên trong đường rãnh đang chảy ào ào xuống một cái cống thoát nước. Cái cống thoát nước đó có một khe hở nửa hình tròn được khoét vô vách của lề đường. Cậu để ý có một nhánh cây khô đã bị gãy đang theo dòng nước trôi tới khe hở cống thoát nước, nhưng đến chừng tới nơi thì nó bị mắc kẹt ở ngay khe, và khoảng vài giây sau nó mới trôi xuống dưới. George chợt nhận ra con thuyền của mình cũng đang tiến tới nơi đó và sẽ phải cùng chung số phận với nhánh cây kia.

"Ôi không!" cậu ta hét lên hoảng hốt.

George tăng tốc chạy theo, nghĩ rằng mình sẽ đuổi kịp con thuyền. Bỗng nhiên, cậu ta bị trượt chân, té, nằm dài ra trên đường và khóc nức nở vì vết trầy trên đầu gối. George tiếp tục nhìn con thuyền, nó lắc lư khoảng hai lần, trôi tới một vòng xoáy nước, rồi biến mất.

"Trời ơi!" cậu ta hét lên một lần nữa và lấy tay dấm xuống đường. Việc làm đó cũng rất là đau, khiến cậu bé phải bật khóc. Thật là ngu ngốc khi làm mất chiếc thuyền!

George đứng dậy và bước tới cống thoát nước. Sau đó, cậu quỳ xuống và cố gắng đưa mắt nhìn vào bên trong. Tiếng dòng nước chảy vào đó nghe thật khó chịu và rỗng tuếch. Và đó là một âm thanh nghe thật rùng rợn. Nó làm cậu nhớ tới-

"Huh!" Âm thanh đó phát ra từ họng cậu một cách tự nhiên ngay khi người cậu giật bắn lên.

Có một đôi mắt màu vàng sáng rực ở trong đó: thứ mà cậu ta hay tưởng tượng ra nhưng chưa bao giờ thấy ở dưới tầng hầm. Đó là đôi mắt của một

con thú, cậu ta nghĩ thật đơn giản, chỉ có thể là của một con mèo nào đó đang bị mắc kẹt ở dưới đó thôi-

George đã sẵn sàng để bỏ chạy-sẽ chạy đi ngay lập tức khi cậu đã chịu đựng đủ cú sốc bởi sự xuất hiện của cặp mắt sáng rực này. Những ngón tay của cậu cảm nhận được sự thô cứng của con đường được đắp bằng đá dăm nện và một luồng nước lạnh chảy xung quanh. George đứng dậy và lùi ra, rồi đột nhiên một giọng nói nghe thật dễ thương và ngọt ngào vang lên từ cống thoát nước.

"Chào Georgie," nó nói.

George chớp mắt và nhìn xuống dưới đó một lần nữa. Cậu ta thấy một thứ mà cậu tin rằng có thật ở ngoài đời; nó như là một thứ gì đó bước ra từ một câu chuyện cổ tích, hoặc một bộ phim mà trong đó có những con thú biết nói chuyện và nhảy múa. Nếu George mười sáu tuổi thì chắc chắn cậu ta sẽ không tin được thứ mà cậu nhìn thấy, nhưng George đâu phải mười sáu tuổi. Cậu ta chỉ mới có sáu tuổi thôi.

Có một chú hề đứng trong cống thoát nước. Ánh sáng chiếu vào trong đó mờ ảo và yếu ớt, nhưng cũng đủ để George Denbrough tin được những gì mình đang nhìn thấy. Đó là một chú hề một trăm phần trăm, và dường như ông ta đến từ một rạp xiếc hay một chương trình nào đó dành cho thiếu nhi trên TV. Trên thực tế, ông ta nhìn như một phiên bản trộn lẫn giữa Bozo và Clarabell, người mà hay nói chuyện bằng cách bóp chiếc kèn đồ chơi của ông ấy (hay là bà ấy ta?-George không hề rõ là nam hay nữ) trong chương trình Howdy Doody vào mỗi sáng thứ bảy-Bozo dường như là người có thể hiểu rõ Clarabell nhất, và điều đó luôn khiến George cười sặc sụa. Khuôn mặt của chú hề đứng trong cống thoát nước trắng toát. Trên cái đầu tròn trọc lóc của ông ta, mỗi bên đều có mọc một nhúm tóc màu đỏ khá ngộ nghĩnh. Và tất cả bộ phận trên khuôn mặt của ông: mắt, mũi, miệng đều được vẽ hết, đặc biệt, nụ cười được tô trên môi của ông vô cùng hoàn hảo.

Chú hề đó nắm một chùm bóng bay trong tay, đủ hết màu sắc, nhìn như một chùm trái cây thơm ngon đã chín mọng.

Trên tay kia, ông ta cầm chiếc thuyền của George.

"Cháu muốn chiếc thuyền này à?" Chú hề mỉm cười.

George mỉm cười lại, không kiểm soát được bản thân. Nụ cười đặc biệt của ông ta khiến cậu ấy phải cười đáp lại. "Dạ chắc chắn rồi," George nói.

Chú hề cười: "Chà chà, cháu lễ phép đấy! À không, phải nói là cháu rất là lễ phép mới đúng! Thế còn bong bóng? Cháu có muốn một cái không?"

"Dạ... có!" Cậu bé thò tay vào khe cổng thoát nước... nhưng sau đó, cậu rút tay ra một cách miễn cưỡng. "Ba cháu dạy cháu không được nhận đồ của người lạ."

"Ba cháu thông minh đấy, Georgie," chú hề đứng trong cổng thoát nước mỉm cười. Làm thế nào, George tự hỏi, mà mình nghĩ rằng đôi mắt của chú hề màu vàng? Đôi mắt của ông ta có màu xanh biển mới đúng, một màu xanh hiền hòa mà ngay cả đôi mắt mẹ và anh trai cậu đều có. "Ba cháu quả nhiên rất là thông minh. Nếu vậy, chú xin tự giới thiệu bản thân mình. Chú, Georgie, tên là Bob Gray, còn được biết tới với cái tên là Pennywise - chú hề vui nhộn. Pennywise, hãy gặp George Denbrough. George, hãy gặp Pennywise. Và bây giờ chúng ta đã biết về nhau. Chú không phải là người lạ đối với cháu, và cháu cũng không phải là người lạ đối với chú. Có đúng vậy không?"

George cười khúc khích. "Cháu đoán vậy." Cậu bé lại thò tay vô đó... rồi tự rút tay ra một lần nữa. "Làm sao chú xuống dưới đó hay vậy?"

"Cơn bão thổi bay chú đi mất," Pennywise - chú hề vui nhộn nói. "Nó thổi

bay nguyên cả rạp xiếc đi luôn. Georgie, cháu có ngửi thấy mùi thơm của rạp xiếc không?"

George chòm người về phía trước. Bỗng nhiên, cậu ta có thể ngửi thấy mùi đậu phộng! Đậu phộng rang muối đường! Và giấm! Thử trắng trắng mà bạn hay đổ lên khoai tây chiên để ăn đó! George còn có thể ngửi thấy mùi kẹo bông gòn, bánh mì nướng bơ tỏi và mùi của... cứt nữa. Ngoài ra, cậu ta còn có thể ngửi thấy mùi thơm của quả anh đào và rất nhiều thứ khác. Tuy nhiên...

Tuy nhiên, đằng sau những mùi thơm đó là mùi hôi thối của trận lũ, mùi của những chiếc lá khô từ từ phân hủy và mùi của cái cống thoát nước tối tăm và dơ bẩn nữa. Cái mùi đó nghe thật ảm mốc và gớm ghiếc. Y chang mùi dưới tầng hầm vậy.

"Chú biết là cháu có thể ngửi thấy mà," George nói.

"Georgie, cháu có muốn lấy con thuyền này không hả?" Pennywise hỏi. "Chú chỉ muốn hỏi lại bởi vì chú thấy cháu có vẻ như không còn muốn con thuyền này nữa." Ông ta giơ chiếc thuyền lên và mỉm cười. Pennywise mặc một bộ com-lê rộng phồng phình màu trắng có đính những chiếc cúc áo màu cam thật là to. Một chiếc cà vạt có màu xanh dương nổi bật và trẻ trung được đeo trước ngực ông, và mỗi bàn tay ông đều có đeo một chiếc găng tay to màu trắng, như cái mà chuột Mickey và vịt Donald hay đeo.

"Dạ có," George đáp, nhìn vào cống thoát nước.

"Thế còn bong bóng? Cháu thích màu gì nè? Chú có màu đỏ, màu xanh lá cây, màu vàng, màu xanh dương..."

"Chúng có bay lơ lửng được hong, chú?"

"Lơ lửng à?" Pennywise cười toét miệng. "Ồ, đương nhiên là chúng có thể

bay lơ lửng được, Georgie à. Và ở dưới đây, chú còn có kẹo bông, trái cây, đậu phộng và nhiều thứ hấp dẫn khác nữa..."

George lấy tay với tới chiếc thuyền.

Tên hề tóm lấy cánh tay của cậu.

Và George thấy gương mặt của tên hề thay đổi.

Thứ mà George thấy sau đó đủ kinh khủng để khiến những con quái vật mà cậu ta hay tưởng tượng ra dưới tầng hầm trở nên quá đồi tầm thường; thứ mà George thấy thực sự hủy hoại tâm hồn ngây thơ và trong sáng của cậu.

"Chúng lơ lửng," thứ ở trong cống thoát nước hát nho nhỏ với giọng khàn khàn và đặc quánh, rồi cười khúc khích. Nó nắm lấy cánh tay của George thật chặt, rồi kéo cậu ta về phía bóng tối, nơi mà những dòng nước mưa gầm gừ, hối hả chảy xuống và cuốn trôi những thứ bị tàn phá bởi cơn bão ra biển. George ngoẹo cổ nhìn sang hướng khác, cố gắng kéo tay mình ra khỏi cái nơi tối tăm và bẩn thỉu đó, và bắt đầu hét toáng lên trong sự hoang mang, kinh hãi và hoảng hốt tột độ bên dưới trời mưa. Nước mắt của cậu chảy đầm đìa trên đôi má xanh xao, hòa lẫn cùng với những giọt mưa đang rơi xuống. Cậu bé đáng thương ngược mặt nhìn bầu trời xám xịt của mùa thu năm 1957 lần cuối cùng trước khi chết. Tiếng la thất thanh của cậu vang lên cả một vùng trời, nhưng không một ai đến cứu cậu cả. Tất cả những người dân sống trên đường Witcham đều có thể nghe thấy tiếng hét, nhưng vì quá vô tâm, họ chỉ đứng trong nhà nhìn George qua cửa sổ.

"Chúng lơ lửng," nó gầm lên, "Chúng lơ lửng, Georgie, và một khi người ở dưới đây với ta, người cũng sẽ lơ lửng thôi-"

Bả vai của George đập mạnh vào vách của lễ đường và Dave Gardener, người nghỉ làm ở công ty The Shoeboat vì trận lũ, thấy một đứa bé trong một

chiếc áo mưa màu vàng đang la hét và quần quai dữ dội trong rãnh nước, khuôn mặt cậu dính đầy bùn đất.

"Tất cả mọi thứ ở dưới đây đều lơ lửng," cái giọng nói khàn khàn đó thì thầm, và đột nhiên âm thanh của một thứ gì đó đang bị xé toạc ra vang lên và những cơn đau đớn bất chợt ập tới dữ dội... George Denbrough không còn biết điều gì hơn nữa.

Dave Gardener là người đầu tiên tới nơi George bị nạn, và mặc dù anh ta đến đó chỉ có bốn mươi lăm giây sau tiếng hét đầu tiên thôi, nhưng George Denbrough đã thực sự chết rồi. Gardener nắm lấy đằng sau chiếc áo mưa và kéo cậu bé vào lòng đường... và bắt đầu hét lên khi xác của George lật ngược lại. Phía bên trái của chiếc áo mưa đã được nhuộm một màu đỏ rực. Máu liên tục chảy ra từ vết thương của cậu bé, hòa lẫn cùng với nước mưa, rồi chảy xuống khe cống thoát nước. Một khúc xương nhỏ của cậu nhô ra khỏi mảnh vải còn sót lại của ống tay áo, khiến anh ta khiếp đảm.

Đôi mắt của George không hề đóng lại mà nhìn chăm chăm lên bầu trời, và trong lúc Dave bước đi chao đảo vì quá sốc và chuẩn bị để bỏ chạy hoảng loạn, thì những giọt mưa bắt đầu đổ đầy bên trong chúng.

4

Một nơi nào đó bên dưới, trong cống thoát nước, nơi nước mưa đổ vào gần đây (có thể đã không có ai ở dưới đó, cảnh sát trưởng sẽ nói như thế với phóng viên của tờ báo Derry News với tâm trạng vô cùng bức tức và đau lòng), con thuyền của George trôi qua những căn hầm tối om và những hành lang ẩm đạm, nơi tiếng nước chảy qua nghe văng vẳng. Dòng nước bắn trôi đi thật nhanh mang theo xác của một con gà đã chết, cả người của nó chìm xuống dưới nước và nó chỉ có một ngón chân duy nhất chìa lên trần; rồi sau đó, ở ngay chỗ giao nhau của các đường cống ở phía đông của thị trấn, xác con gà bị dòng nước đẩy sang hướng bên trái, trong khi đó con thuyền của

George vẫn tiếp tục trôi theo đường thẳng.

Một tiếng sau, trong lúc mẹ George đang sợ thất thần trong phòng cấp cứu ở bệnh viện Derry và trong lúc Bill Cà Lăm đang ngồi im lặng trên giường trong sự choáng váng tột độ và lắng nghe tiếng ba cậu khóc nức nở trong phòng khách, nơi mẹ cậu đã chơi bản Für Elise lúc George ra khỏi nhà, thì chiếc thuyền "phóng" qua cửa xả lũ như một viên đạn bắn ra từ họng súng, rồi trôi từ từ trên một kênh đào và tới một nhánh sông nhỏ không tên. Hai mươi phút sau, khi chiếc thuyền trôi tới con sông lớn tên là Penobscot, thì những đám mây đen chợt biến mất, để lại một bầu trời trong xanh và một mặt trời sáng rực rỡ. Cơn bão đã chấm dứt.

Con thuyền lắc lư, nhúng xuống dòng nước vài lần và ướm sững, nhưng nó không bao giờ chìm; hai cậu bé nhà Denbrough đã thành công trong việc làm cho nó không bị thấm nước. Tôi không biết con thuyền của George cuối cùng đã trôi về đâu; có lẽ nó đã ra tới biển và trôi ở đó mãi mãi, giống như là một chiếc thuyền thần tiên trong một câu chuyện cổ tích vậy. Tất cả những gì tôi biết là con thuyền đó vẫn đang trôi lênh đênh và cố gắng vượt qua trận lũ khi nó trôi ngang qua ranh giới của thị trấn Derry, và từ đó trôi vào quên lãng.

IT - NÓ

Stephen King
www.dtv-ebook.com

Phần 1: Bóng Tối Quá Khứ - Chương 2

CHƯƠNG 2: SAU LỄ HỘI (1984)

1

Lý do mà Adrian có chiếc nón (bạn trai của anh ta sẽ nói điều này sau với cảnh sát trong nước mắt) là bởi vì anh ta thắng được nó ở gian hàng Pitch Til U Win trong một hội chợ được tổ chức ở công viên Bassey sáu ngày trước khi chết. Adrian thực sự tự hào khi có được nó.

"Ảnh đội cái nón đó là vì ảnh yêu cái thị trấn chó chết này!" người yêu của Adrian, tên là Don Hagarty, hét vào mặt cảnh sát.

"Nè, nè-anh không cần phải dùng từ đó để nói đâu," viên cảnh sát Harold Gardener nói với Hagarty. Harold Gardener thực chất là một trong bốn người con trai của Dave Gardener. Vào cái hôm định mệnh ấy, hôm mà ba của anh phát hiện ra thi thể của cậu bé xấu số George Denbrough chỉ có một cánh tay, Harold Gardener chỉ mới có năm tuổi thôi. Gần hai mươi bảy năm trôi qua, anh ta giờ đây đã được ba mươi hai tuổi và hiện đang có một cái đầu trọc lóc, không còn cọng tóc nào hết. Harold Gardener nhận thấy được nỗi đau tột cùng mà Don Hagarty phải trải qua, và đồng thời nhận ra rằng thật khó để cảm nhận được nỗi đau đó một cách nghiêm túc. Người đàn ông này-nếu như bạn muốn gọi anh ta là một người đàn ông-tô son, trét phấn và mặc một chiếc quần bó, ôm sát vào cặp giò tới nỗi bạn có thể thấy được những vết nhăn của "cậu nhỏ". Khổ hay không khổ, đau đớn hay không đớn đau, dù gì đi chăng nữa thì anh ta cũng chỉ là một người đồng tính mà thôi. Giống như người yêu

của anh ta, Adrian Mellon.

"Bây giờ, anh hãy nói tôi nghe lại xem," viên cảnh sát Jeffrey Reeves, đồng nghiệp của Harold, nói. "Hai người bước ra khỏi quán bar Falcon và hướng thẳng về phía con kênh. Rồi sao nữa?"

"Tôi phải nói bao nhiêu lần nữa thì mấy người mấy hiểu hả?" Hagarty tiếp tục hét to. "Chúng đã giết ảnh! Chúng nó đã quăng ảnh ra khỏi cây cầu đó và coi đây chỉ là một chuyện bình thường!" Don Hagarty bắt đầu khóc.

"Một lần nữa," Reeves kiên nhẫn lặp lại câu nói. "Anh cùng người yêu bước ra khỏi quán bar Falcon rồi sao nữa?"

2

Trong phòng thẩm vấn nằm ở cuối dãy hành lang, hai viên cảnh sát Derry đang nói chuyện với Steve Dubay, mười bảy tuổi; trong văn phòng của thư ký chứng thực ở tầng trên, hai viên cảnh sát khác đang tra hỏi John "Webby" Garton, mười tám tuổi; và trong văn phòng của vị cảnh sát trưởng ở tầng năm, cảnh sát trưởng Andrew Rademacher và công tố viên Tom Boutillier đang tra hỏi Christopher Unwin, mười lăm tuổi. Unwin, người đang mặc một chiếc quần jeans màu nhạt, một chiếc áo thun ướt đầm mồ hôi và một đôi boot, đang rơi lệ. Rademacher và Boutillier bắt giữ Unwin là bởi vì họ đã kiểm chứng và xác nhận rằng cậu ta chính là sự liên kết trong chuỗi sự kiện.

"Bắt đầu lại một lần nữa nào," Boutillier và Jeffrey Reeves đều nói câu này cùng lúc với nhau mặc dù hai người đang ở khác lầu.

"Tụi tui không cố ý giết anh ấy," Unwin khóc sụt sùi. "Tất cả cũng chỉ vì cái nón hết. Tụi tui không thể tin được anh ấy vẫn tiếp tục đội cái nón đó sau những gì Webby đã nói ngay từ lúc đầu. Nên tui đoán là tụi tui chỉ muốn dọa anh ấy chút thôi."

"Vì những gì anh ấy nói," cảnh sát trưởng Rademacher nói xen vào.

"Dạ đúng."

"Với John Garton, vào buổi chiều ngày mười bảy."

"Dạ đúng, với Webby." Unwin òa khóc. "Nhưng hồi đó, tui tui cũng hay giúp đỡ mỗi khi thấy Adrian gặp rắc rối... ít nhất tui và Stevie Dubay còn làm việc đó... tui tui không hề cố ý giết anh ấy!"

"Thôi nào, Chris, đừng tỏ ra ngây thơ vô tội nữa," Boutillier nói. "Chính cậu đã quăng thẳng bê dê xuống con kênh đó."

"Dạ đúng, nhưng mà-"

"Và chính cậu và hai người bạn của cậu đã tự động đến đây để thú tội. Cảnh sát trưởng Rademacher và tôi đây vô cùng cảm kích việc làm tự giác đó. Có đúng như vậy không, Andy?"

"Chắc chắn rồi. Phải dừng cảm lảm mới thú tội được như vậy, Chris."

"Vì thế nên kể từ giờ phút này, cậu đừng có mà chối tội nữa, kéo lại mang họa nữa đấy. Cậu đã nảy sinh ý định giết anh ta ngay từ giây phút cậu thấy hai người đó bước ra từ quán bar Falcon, có đúng như vậy không?"

"Không đúng!" Chris Unwin phản đối kịch liệt.

Boutillier móc một gói thuốc lá Marlboros từ trong túi áo, rút một điếu ra và ngậm nó trong miệng. Anh ta chìa gói thuốc ra cho Unwin. "Cậu có muốn một điếu không?"

Unwin lấy ra một điếu. Boutillier quẹt một que diêm và từ từ châm lửa vào đầu điếu thuốc của Unwin. Anh ta có thể cảm nhận được đôi môi của Unwin đang run cầm cập.

"Khi cậu nhìn thấy anh ta, cậu có để ý anh ta có đội cái nón đó hay không?" Rademacher hỏi.

Unwin cúi đầu xuống, khiến mái tóc dài ướt đầm mồ hôi che đi đôi mắt của cậu. Cậu ta phì phò thở khói thuốc ra khỏi mũi, rồi lấy tay sờ vào những hạt mụn đầu đen trên sống mũi.

"Dạ có," cậu ta nói nhẹ nhàng đến nỗi Boutillier không nghe thấy.

Boutillier ngả người về phía trước, đôi mắt màu nâu của anh ta lấp lánh. Mặc dù khuôn mặt của Boutillier trông có vẻ hung dữ nhưng giọng nói của anh ta lại rất dịu dàng. "Cậu nói gì, Chris?"

"Tui nói có. Tui đoán tui có thấy anh ta đội chiếc nón. Và phải, tui đã ném anh ta xuống con kênh, nhưng thực chất tui không hề muốn anh ấy chết." Cậu ta ngược mặt lên để nhìn hai người, khuôn mặt toát lên vẻ sợ hãi và đáng thương. Unwin vẫn không thể hiểu được những sự thay đổi kì lạ xảy đến cuộc đời của cậu kể từ khi cậu ta rời khỏi nhà để tham gia lễ hội Derry's Canal Days cùng với hai người bạn lúc bảy giờ rưỡi chiều. "Tui không hề muốn anh ấy chết!" cậu ta lặp lại câu nói. "Và cái gã lạ mặt ở dưới cây cầu đó... tui vẫn không biết gã đó là ai."

"Gã đó là ai vậy hả?" Rademacher hỏi, tỏ ra không hứng thú mấy. Cả hai người đều đã nghe nói về gã lạ mặt này rồi, nhưng không một ai tin cả-họ nghĩ sớm muộn gì kẻ bị buộc tội giết người sẽ luôn đổ thừa cho một nhân vật bí ẩn nào đó mà hẳn tưởng tượng ra.

"Gã đó mặc đồ và hóa trang như một thằng hề vậy," Chris Unwin rùng mình nói. "Gã đó còn cầm vài quả bong bóng nữa."

Lễ hội Canal Days (kéo dài từ ngày mười lăm cho tới ngày hai mươi một tháng bảy) đã thành công rực rỡ, và hầu hết những người dân ở Derry đều đồng ý và cho rằng lễ hội đó đã vực dậy tinh thần người dân, làm nổi bật hình ảnh của thị trấn, và nhiều thứ khác nữa. Lễ hội kéo dài một tuần này được tổ chức nhằm kỷ niệm một trăm năm ngày mở kênh đào Canal để nước chảy qua trung tâm thị trấn. Nhờ con kênh đó mà người dân nơi đây mới vận chuyển và buôn bán gỗ dễ dàng hơn từ năm 1884 tới năm 1910; và cũng nhờ con kênh đó mà cuộc sống của người dân trở nên tốt đẹp hơn.

Cả thị trấn được trang hoàng lộng lẫy từ đông sang tây và từ bắc sang nam. Những cái ổ gà mà hay bị người dân phàn nàn suốt hơn mười năm nay cuối cùng cũng đã được lấp đầy, khiến tất cả con đường giờ đây đều trở nên bằng phẳng, trơn láng và đẹp. Những tòa nhà trong thị trấn được tân trang lại bằng sơn trắng ở bên trong, và được sơn lại ở bên ngoài. Những hình vẽ graffiti và những dòng chữ ghê tởm trong công viên Bassey-đa số toàn là biểu hiện sự kì thị và chống đối người đồng tính, chẳng hạn như câu ĐỊT MẸ NGƯNG PHÁN TÁN AIDS VÀ CHẾT HẾT ĐI LỮ BÊ ĐÊ THỐI THA!!-đều đã được xóa khỏi những băng ghế và lan can của cây cầu gỗ (có tên là Kissing Bridge) bắc qua con kênh Canal.

Bảo tàng Canal Days được mở bên trong ba cửa hàng còn trống không chưa có ai kinh doanh, và được lấp đầy những cổ vật bởi một nhà sử học nghiệp dư và đồng thời cũng là một thủ thư tên là Michael Hanlon. Một gia đình, một dòng họ lâu đời nhất Derry đã cung cấp cho viện bảo tàng hầu hết những cổ vật vô giá của họ, và trong suốt một tuần lễ hội, gần bốn mươi ngàn khách tham quan trả hai mươi lăm cent chỉ để ngắm nhìn thực đơn của những nhà hàng vào những năm 1890, đồ chơi con nít vào những năm 1920, và gần hai mươi ngàn bức ảnh và chín cuộn phim nói về cuộc sống của người dân Derry suốt một trăm năm.

Viện bảo tàng được tài trợ bởi Hội Liên hiệp Phụ nữ Derry, và chính cái

hội này đã không chấp nhận một số vật mà Hanlon đề xuất trưng bày (ví dụ như là cái ghế xích dùng để tra tấn con người vào những năm 1930) và những bức ảnh (ví dụ như là những bức nói về nhóm du côn Bradley sau trận đấu súng nổi tiếng). Mặc dù không có những thứ đó nhưng mọi người ai cũng cho rằng viện bảo tàng này rất thú vị và gặt hái được nhiều thành công, đó là vì chẳng ai thềm coi ba cái thứ gớm ghiếc và đẫm máu đó cả. Làm nổi bật những thứ hoa mỹ và loại bỏ những thứ xấu xí khiến cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn.

Ở trong công viên Bassey có dựng một cái lều khổng lồ kẻ sọc, trong đó có bán rất nhiều đồ ăn và thức uống, và hằng đêm ở đó còn tổ chức chương trình ca nhạc trẻ nữa. Ngoài ra, ở công viên Bassey còn có khánh thành một khu vui chơi mới nữa, và ở đó có tàu lượn siêu tốc của Smokey's Greater Shows và rất nhiều trò chơi thú vị được tổ chức bởi những người dân địa phương. Đặc biệt, một chiếc xe hơi chạy bằng điện cứ mỗi tiếng chở du khách đi vòng quanh những địa điểm mang tính chất lịch sử của thị trấn, sau đó dừng lại ở gần một chiếc hộp thả tiền dễ thương (đây là một loại trò chơi phổ biến ở phương Tây, khi người chơi đứng bên trong chiếc hộp, tiền sẽ thối ra từ đầu này sang đầu kia của chiếc hộp, người chơi sẽ phải cố nắm lấy những tờ tiền nhiều nhất có thể trong một khoảng thời gian nhất định).

Và đây chính là nơi Adrian Mellon thắng được cái nón chết người đó. Nó là một chiếc nón giấy chóp cao màu đen có gắn một bông hoa và để dòng chữ I <3 DERRY!

4

"Tôi mệt quá rồi," John "Webby" Garton nói. Cũng giống như hai đứa bạn, cậu ta bắt chước vẻ mơ màng của ca sĩ Bruce Springsteen mặc dù không bao giờ ưa ông ta, cậu ta thậm chí còn gọi Springsteen là một thằng hèn hay một thằng bê đê, nhưng nếu có ai hỏi Webby thần tượng ca sĩ hay nhóm nhạc rock nào nhất thì chắc chắn, cậu ta sẽ hô hào tuyên bố mình thích nhóm Def

Lappard, Twisted Sister, hoặc Judas Priest nhất. Webby mặc một chiếc áo thun màu xanh dương, hai tay áo của cậu bị xé toạc, để lộ ra hai cánh tay cơ bắp. Mái tóc màu nâu của cậu che mất đi một con mắt-riêng cái điểm này thì giống với nhạc sĩ John Cougar Mellencamp hơn là ca sĩ Springsteen. Trên cả hai cánh tay của cậu đều có những hình xăm màu xanh-dương như chúng là biểu tượng cho cái gì đó, nhưng mà nhìn như do con nít vẽ vậy. "Tôi không muốn nói nữa."

"Kể cho chúng tôi nghe về buổi chiều hôm thứ ba ở hội chợ đi," Paul Hughes nói. Hughes cảm thấy mệt mỏi, sốc và khiếp đảm bởi vì anh ta cứ tưởng tượng rằng lễ hội Derry Canal Days kết thúc với một sự kiện kinh hoàng mà mọi người ai cũng đã biết trước nhưng không một ai dám đưa nó vào danh sách chương trình của những sự kiện. Nếu như chuyện anh ta tưởng tượng ra hoàn toàn có thật và những người đó dám đưa sự kiện kinh hoàng này vào danh sách, thì có lẽ danh sách đó sẽ như thế này:

Thứ bảy, 9:00 P.M.: Buổi trình diễn ca nhạc cuối cùng gồm có ban nhạc của trường trung học Derry và ban nhạc Barber Shop Mello-Men.

Thứ bảy, 10:00 P.M.: Trình diễn bắn pháo bông.

Thứ bảy, 10:35 P.M.: Buổi lễ hiến tế Adrian Mellon chính thức kết thúc lễ hội Canal Days.

"Địt mẹ cái hội chợ," Webby trả lời.

"Hay cậu kể cho chúng tôi nghe về những gì cậu đã nói với Mellon và những gì anh ấy đã nói với cậu đi."

"Lạy hồn." Webby đảo đôi mắt.

"Thôi nào, Webby," cộng sự của Hughes nói.

Webby lại đảo mắt và bắt đầu kể một lần nữa.

5

Garton thấy hai người, Mellon và Hagarty, ông ọo nắm tay nhau và cười khúc khích như mấy đứa con gái vậy. Thực sự ngay lúc đầu, cậu ta còn tưởng cả hai người đều là con gái thật mới ghê chứ. Sau đó, Garton nhận ra Mellon, người đã bị cậu ta nhắm tới trước đó. Trong lúc Garton đang theo dõi thì cậu ta chợt thấy Mellon xoay người về phía Hagarty... rồi cả hai người hôn nhau đắm đuối.

"Bà mẹ nó, chắc tao ói ngay đây luôn quá!" Webby kêu lên trong sự kinh tởm.

Chris Unwin và Steve Dubay đều có mặt ở đó cùng với cậu ta. Khi Webby chỉ tay vào Mellon, Steve Dubay nói cậu ta nghĩ rằng cái thằng bê đê đi bên cạnh Mellon tên là Don gì đó, và nói rằng cậu ta đã cử một đứa nhóc từ Derry High hitching để xử lý Don.

Mellon và Hagarty bắt đầu di chuyển về phía ba người một lần nữa, họ rời khỏi gian hàng Pitch Til U Win và tiến tới lối ra khỏi khu vui chơi. Webby Garton thực sự rất muốn thừa vớ cảnh sát Hughes và Conley về việc "niềm tự hào công dân" của cậu ta bị xúc phạm khi cậu ta nhìn thấy một thằng bê đê chó chết mang một cái nón có đề dòng chữ I <3 DERRY. Thật là nực cười, cái nón đó-chỉ là một tờ giấy lớn gấp lại, bắt chước trở thành một chiếc nón chóp cao, đã vậy còn gắn thêm một bông hoa bên cạnh nữa. Cái nón buồn cười đó dường như đang xúc phạm đến niềm tự hào công dân của Webby nhiều hơn nữa.

Trong lúc Mellon và Hagarty đi ngang qua, tay nắm chặt tay bên hông, Webby Garton hét lên: "Tao sẽ cho mày nuốt cái nón đó, thứ chó chết!"

Mellon nhìn Garton, chớp mắt liên tục như đang tán tỉnh và nói: "Nếu cưng muốn nuốt thứ gì đó, cứ nói với chị. Chị sẽ tìm cho cưng thứ gì đó ngon hơn cái nón này nhiều."

Vào lúc này, Webby Garton quyết định sẽ "sắp xếp" lại khuôn mặt của thằng bê đê đó. "Địa hình" khuôn mặt của Mellon sẽ như thế này: đôi núi sẽ cao hơn nữa và từng mảng lục địa sẽ tách ra và trôi đi. Và sẽ không có ai chê khuôn mặt đó tệ cả. Không một ai hết.

Webby tiến về phía Mellon. Người yêu của Mellon biết có chuyện chẳng lành sắp xảy đến nên cố gắng kéo Mellon đi, nhưng Mellon lại không chịu nhúc nhích một tí nào, anh ta cứ đứng đó và mỉm cười. Garton muốn thừa với cảnh sát Hughes và Conley về việc anh ta chắc chắn rằng Mellon đang phê thuốc hay đang phê cái gì đó. Hagarty sẽ xác nhận điều này là hoàn toàn đúng nếu như được cảnh sát Gardener và Reeves hỏi. Mellon thực sự bị phê cả ngày trời bởi món bánh bột chiên đường có trét mật ong mà anh ta mua ở khu vui chơi. Vì thế nên cho tới bây giờ, anh ta vẫn chưa nhận ra những lời Webby nói đều là để hăm dọa.

"Tôi xin lỗi," Don nói, anh ta lấy ra một chiếc khăn giấy để chùi đi phần trên đôi mắt của mình. "Adrian ăn nói hơi hàm hồ một chút. Ảnh lúc nào cũng tỏ ra lạc quan và yêu đời nên mới nói đùa như vậy, chứ ảnh không có ý gì xấu đâu."

Mellon đã có thể bị ăn đập ngay tại chỗ nếu như Garton không cảm giác được thứ gì đó đang gõ vào khuỷu tay mình. Đó là một cây gậy cảnh sát. Cậu ta quay đầu lại và thấy cảnh sát Frank Machen, một thành viên khác của bộ phận Cảnh sát Nhân dân.

"Này, cậu kia," Machen nói với Garton. "Để yên cho mấy thằng bê đê này dùm cái. Cậu không muốn ngồi tù ngay vào dịp lễ này, đúng chứ?"

"Chú có nghe hẳn gọi tôi là gì không?" Garton tức giận hỏi. Cậu ta cố gắng lôi Unwin và Dubay vào chuyện này-cả hai người đó nghĩ thấy mùi rắc rối sắp đến nên họ cố thúc giục Garton bỏ đi, nhưng Garton lại nhún vai và sẽ cho họ mỗi người cú đấm nếu như họ không làm theo ý của cậu ta. "Lòng tự trọng đàn ông" của Garton bị sỉ nhục tới nỗi cậu ta nổi điên lên và muốn trả thù hai gã bê dê kia. Không một ai nói cậu ta tệ cả. Không một ai hết.

"Tôi có nghe anh ta gọi cậu là gì đâu," Machen trả lời. "Tôi chỉ nghe cậu gây sự với anh ta trước thôi. Còn bây giờ, cậu vui lòng rời khỏi đây dùm. Tôi không muốn nhắc hoài đâu."

"Hẳn ta gọi tôi là thằng bê dê!"

"Và cậu sợ cậu bị vậy thật à?" Machen hỏi, dường như thực sự quan tâm đến, và Garton đỏ mặt.

Trong lúc hai người đang đối đáp gay cấn thì Hagarty cố gắng làm đủ mọi cách để kéo Adrian Mellon ra khỏi nơi đó. Một lúc sau, cuối cùng, Mellon mới chịu rời đi.

"Bái bai nhe, người yêu dấu!" Adrian chào tạm biệt một cách vui vẻ.

"Im đi, thằng hèn," Machen nói. "Biển dùm đi."

Garton nhào tới Mellon, và Machen cản cậu ta lại.

"Tôi có thể tống cậu vô tù đấy, anh bạn trẻ," Machen nói, "và cái cách cậu đang hành xử có thể khiến cậu đi tù đấy."

"Lần sau gặp mày, tao sẽ cho mày nhừ xương!" Garton hét lên đằng sau cặp đôi, và những người xung quanh hướng mắt về phía cậu ta và nhìn chăm chăm. "Và nếu như mày mà còn đội cái nón đó nữa, tao thề tao sẽ băm mày thành trăm mảnh, thằng chó đẻ! Cái thị trấn này không chứa chấp lũ bê dê

chó chết như chúng mày đâu! Khôn hồn thì cút con mẹ chúng mày đi!"

Mellon bước đi, không hề ngoảnh đầu lại, anh ta giơ bàn tay trái mình lên cao và vẫy để những ngón tay lắc qua lắc lại-cả bộ móng của anh sơn màu hồng-và đồng thời, anh ta còn bước đi nhún nhảy nữa. Garton lại nhào tới Mellon một lần nữa.

"Một bước nữa hay một chữ nữa từ miệng cậu là tôi cho cậu đi tù đấy nhé," Machen nhẹ nhàng nói. "Tin tôi đi, anh bạn, tôi nói là làm thật đấy."

"Thôi nào, Webby," Chris Unwin bứt rứt nói. "Bình tĩnh lại đi."

"Bộ chú thích mấy thằng bê đê đó lắm hả?" Webby hỏi Machen, cậu ta hoàn toàn mặc kệ Chris và Steve. "Hả?"

"Về những người bê đê, đồng tính luyện ái đó thì tôi thấy hoàn toàn bình thường, tôi không thích và cũng không ghét họ," Machen nói. "Cái mà tôi thích và đang cần chính là hòa bình và sự yên tĩnh, nhưng cậu đã gây rối cho chúng, anh bạn trẻ à. Còn bây giờ, cậu có muốn đi một vòng với tôi không hay sao?"

"Đi thôi nào, Webby," Steve thì thầm. "Đi mua cái gì đó để ăn đi. Hot dog có vẻ được đó."

Webby rời đi, cố gắng làm cho chiếc áo của mình hết nhăn nhúm, rồi lấy tay vén phần tóc mái sang một bên. Machen, người đưa ra báo cáo vào buổi sáng sau khi Adrian Mellon chết, nói: Điều cuối cùng tôi nghe Webby nói trong lúc cậu ta và đám bạn rời đi là, "Lần sau gặp nó, tao sẽ cho nó tan xác luôn."

"Làm ơn đi, tôi cần phải nói chuyện với mẹ tôi ngay bây giờ," Steve

Dubay nói lần thứ ba. "Tôi cần phải kêu bà nói chuyện với cha dưỡng tôi để ông bớt nổi nóng lại, nếu không thì ông sẽ cho tôi một trận nhừ tử khi tôi về tới nhà."

"Chút nữa đi," cảnh sát Charles Avarino nói với cậu ta. Avarino và đồng nghiệp của anh, Barney Morrison đều biết rằng Steve Dubay sẽ không được về nhà vào tối nay và cũng có thể mấy đêm sau, cậu ta cũng sẽ không được về. Steve dường như không thể thấy được mức độ nghiêm trọng của tội giết người lớn cỡ nào, và Avarino chắc chắn sẽ không hề ngạc nhiên khi có ai đó nói với anh ta rằng Dubay bỏ học lúc mười sáu tuổi. Vào thời điểm trước khi Dubay bỏ học, cậu ta vẫn còn là học sinh của trường trung học Water Street. Chỉ số IQ của Dubay chỉ có 68 thôi, dựa trên bài kiểm tra Wechsler cậu đã làm vào một trong ba lần ở lại lớp bảy.

"Cậu kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đã xảy ra lúc cậu nhìn thấy Mellon bước ra từ quán bar Falcon đi," Morrison nói.

"Không được. Tốt nhất tôi không nên nói cho mấy chú nghe."

"Ồ, tại sao lại không?" Avarino hỏi.

"Tôi đã nói nhiều quá rồi còn gì."

"Cậu vô đây là để nói chứ không phải để im," Avarino nói. "Tôi nói vậy có đúng không hả?"

"Ừ thì... đúng... nhưng mà..."

"Nghe này," Morrison nói với giọng thật ấm, anh ta ngồi xuống chiếc ghế để bên cạnh Dubay và đưa cậu ta một miếng thuốc lá đã được châm lửa. "Cậu nghĩ tụi này thích bê đê lắm à?"

"Tôi cũng không biết nữa-"

"Bộ tụi này trông có vẻ như thích mấy tụi bê dê đó lắm hả?"

"Không, nhưng mà..."

"Chúng tôi là bạn cậu, Steve," Morrison nói một cách long trọng. "Và tin tôi đi, cậu và Chris và Webby bây giờ đang rất cần có những người bạn tốt và hay giúp đỡ như chúng tôi. Bởi vì qua ngày hôm sau, những người đau khổ vì cái chết của thằng bê dê đó sẽ đến đây để đòi lấy mạng của mấy cậu đấy."

Steve Dubay trông có vẻ hoảng sợ một chút. Avarino, người gần như có thể đọc được suy nghĩ trong đầu Steve, nghi ngờ cậu ta đang nghĩ về người cha dượng một lần nữa. Và mặc dù Avarino không hề thích cái cộng đồng LGBT gì đó ở Derry-cũng như mấy viên cảnh sát khác trong thị trấn, anh ta sẽ rất là vui nếu được nhìn thấy quán bar Falcon đóng cửa mãi mãi-anh ta có thể sẽ rất là hân hoan khi được chở Dubay về nhà cậu ta. Thực chất, anh ta có thể sẽ rất là vui nếu như được nắm tay Dubay trong lúc người cha dượng đánh cho cậu ta như xương. Avarino không hề thích bê dê, ô môi, nhưng điều đó không có nghĩa anh ta tin rằng những người đó đáng bị tra tấn và giết hại. Mellon bị giết chết một cách dã man. Khi vớt xác của Mellon từ phía bên dưới cây cầu lên, người ta phát hiện đôi mắt của anh ta mở to, toát lên vẻ sợ hãi tột độ. Và cái thằng nhóc Dubay này vẫn không hiểu được mình đã gây ra chuyện gì.

"Tụi tôi không cố ý giết anh ta," Steve lặp lại một lần nữa. Và đây là câu nói cậu ta hay dùng mỗi khi trở nên hơi bối rối.

"Đừng có lời thôi nữa," Avarino nói một cách tha thiết. "Cậu hãy khai thành thật tất cả mọi thứ đi rồi cậu sẽ được yên ổn. Việc nói ra sự thật sẽ không khiến cậu mất mát gì đâu. Tôi nói vậy có đúng không hả, Barney?"

"Đúng quá rồi còn gì," Morrison đồng ý.

"Tôi nhắc cậu lại một lần nữa nhé, hãy kể cho chúng tôi nghe những gì cậu biết đi," Avarino ráng thuyết phục Steve.

"Ừ thì..." Steve nói, và sau đó, từ từ bắt đầu kể.

7

Khi quán bar Falcon mở cửa vào năm 1973, Elmer Curtie nghĩ rằng đa số khách hàng của ông ta là những người thường hay đi xe buýt-bến xe buýt kế bên quán bar phục vụ ba tuyến đường khác nhau: Trailways, Greyhound, và Aroostook County. Điều duy nhất ông ta không nhận ra đó là trong số những hành khách đi xe buýt, có bao nhiêu người là phụ nữ, đàn ông và có bao nhiêu gia đình có dắt theo trẻ nhỏ. Rất nhiều khách hàng của ông ta mua vài chai bia, bỏ vô cặp rồi rời đi nhưng họ không hề leo lên bất kì chiếc xe buýt nào cả. Những người mà có đi xe buýt thường là bộ đội hay lính hải quân, họ đơn thuần chỉ uống một hay hai cốc bia rồi bỏ đi thật nhanh mà thôi-ngay cả chính bạn cũng không thể nhậ nhệ gì được trong mười phút đợi xe buýt tới.

Curtie bắt đầu nhận ra một vài sự thật phũ phàng đó vào năm 1977, nhưng lúc đó đã quá muộn: thuế má đổ ập lên đầu và ông ta không còn cơ hội nào để dời quán bar của mình sang nơi khác được nữa. Cái ý tưởng đốt quán bar để được tiền bảo hiểm chợt lóe sáng trong đầu của Curtie, nhưng việc làm này rất có thể sẽ khiến ông ta đi tù một gông vì tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trừ khi ông ta mượn một chuyên gia có kinh nghiệm trong việc bí mật lên kế hoạch đốt cháy quán bar... nhưng chỉ có điều là ông ta không biết phải mượn mấy người đó ở đâu cả.

Vào tháng hai năm đó, Curtie quyết định sẽ theo dõi tình hình quán bar của mình như thế nào cho tới ngày bốn tháng bảy; nếu tình hình quán không mấy khả quan, ông ta chỉ việc đơn giản bước sang bến xe buýt bên cạnh, leo lên một chiếc và đi tới Florida để xem coi ở đó có cơ hội làm ăn gì không.

Nhưng không ngờ, trong vòng năm tháng sau đó, quán bar của ông chợt làm ăn phát đạt, tiền vô như nước sông Đà. Curtie quyết định sửa sang lại quán cho mới: ông ta sẽ sơn toàn bộ bên trong quán màu đen và vàng, và trang trí quán với những con thú nhồi bông dễ thương (người anh trai của Elmer Curtie từng là chuyên gia làm thú nhồi bông, và Elmer được nhận những thứ này sau khi người anh chết đi). Bình thường Curtie chỉ có sáu mươi chai bia để bán và mỗi tối chỉ bán được hai mươi ly bia mà thôi, nhưng giờ đây, ông ta có tới tám mươi chai bia để bán và mỗi tối bán được cả trăm ly bia... rồi trăm hai chục ly... lâu lâu bán được tới trăm sáu chục ly lận.

Khách hàng của ông ta đa số là đàn ông, còn trẻ, có học thức. Chỉ có điều là trong số họ có rất nhiều người ăn mặc quái dị và khác thường, nhưng sẵn đây nói luôn, trong khoảng thời gian năm đó, gu ăn mặc dị thường như vậy là chuyện bình thường, và Elmer Curtie không ngờ rằng khách quen của ông hầu như toàn là đồng tính không, mãi cho đến năm 1981 thì ông mới nhận ra. Nếu như người dân ở Derry mà nghe Curtie nói rằng ông không hề biết điều này mãi cho tới năm 81, thì họ sẽ cười cho thú vị mặt-nhưng tôi đảm bảo những lời nói của ông ta hoàn toàn đúng. Lý do là vì trong cuộc sống, Curtie luôn là người nắm bắt tin tức chậm trễ nhất, chẳng hạn như chuyện ông ta không hề biết bà vợ của mình hay đi ngoại tình với người khác, mãi cho đến một lúc nào đó khi mọi người ai cũng biết hết rồi thì ông ta mới biết... và đến khi Curtie biết hết mọi chuyện rồi thì ông ta không còn quan tâm gì nữa. Quán bar của Curtie vẫn làm ăn suôn sẻ và được biết tới là nơi duy nhất ít khi nào có xảy ra đánh lộn, trong khi đó bốn cái quán bar khác trong thị trấn thì hoàn toàn ngược lại. Quán Falcon không hề có vụ đánh ghen nào xảy ra hết, và dường như những khách hàng (đồng tính) ở đây đã biết được làm sao để "đến với nhau" hay "quan hệ lén lút" mà không bị người yêu khác giới biết.

Một khi Curtie hiểu rõ "giới tính" khách hàng của mình, dường như đi đâu ông ta cũng nghe được những câu chuyện không có thật về quán bar của ông- người dân ở Derry đã truyền tai nhau những câu chuyện này mấy năm rồi,

nhưng đến năm 81 thì Curtie không còn nghe thấy chúng nữa. Ông ta nhận ra những người đồn thổi mấy chuyện tào lao này không bao giờ dám đặt chân vào quán bar Falcon vì họ sợ bị khách trong quán quỳnh cho bầm đầu hay sao ấy. Tuy nhiên, cũng có một số chuyện mà họ không thể kể ra.

Theo như lời đồn, bạn có thể vô quán bar này vào bất cứ đêm nào và bạn sẽ được tận mắt chứng kiến bê đê khiêu vũ với nhau, thủ dâm ngay tại sàn nhảy; bê đê hôn nhau kiểu Pháp; bê đê "chịch" nhau ngay trong nhà vệ sinh. Nếu như bạn muốn "hưởng thụ" thì hãy tìm đến căn phòng ở phía trong cùng quán-trong đó có một anh bạn già mặc một bộ đồng phục dành cho phát xít Đức, anh ta sẽ rất hân hạnh nếu như được "phục vụ" bạn.

Thực chất, những lời đồn đại đó không hề đúng. Rất người từ bến xe buýt vô đây để uống vài ly bia hay cocktail nhưng họ không hề thấy quán có gì là bất thường cả-đương nhiên là trong quán có khá là nhiều đàn ông nhưng điều đó không khiến quán khác biệt so với những quán bar khác trong nước. Khách hàng trong quán Falcon đa số là đồng tính luyến ái, nhưng đồng tính không phải là từ đồng nghĩa cho từ "ngu ngốc." Những người đồng tính, nếu họ thích sống một cách hơi quái dị một chút, họ có thể đến Portland. Nếu họ thích "bung lụa" và sống theo cách dị thường, thì họ có thể tìm đến New York hoặc Boston. Derry là một thị trấn nhỏ và mặc dù cộng đồng LGBT ở đó không lớn, nhưng nó vẫn tồn tại theo năm tháng.

Don Hagarty là khách quen của quán bar Falcon được hai hay ba năm gì rồi trước cái đêm anh gặp Adrian Mellon lần đầu tiên vào tháng ba năm 1984. Trước khi gặp Mellon, Hagarty hẹn hò và qua đêm rất nhiều người đàn ông, nhưng anh ta không hề yêu ai cả. Đến tháng tư, ông chủ của quán bar Falcon nhận ra Hagarty và Mellon đang yêu nhau.

Hagarty là người chuyên vẽ sơ đồ thiết kế cho máy móc và anh ta hiện đang có công ăn việc làm ổn định ở Bangor. Còn Adrian Mellon là một nhà văn tự do, anh ta có thể viết những gì mình thích và đăng lên khắp các tạp

chí. Mellon hiện đang viết một cuốn tiểu thuyết cho riêng mình, nhưng anh ta lại không dành hết quyết tâm để hoàn thành nó-anh ta thực chất đã bắt đầu viết từ hồi anh ta còn là sinh viên cao đẳng năm thứ ba, đến giờ đã được mười hai năm rồi vậy mà vẫn chưa xong.

Mellon đến Derry để tìm hiểu và viết về con kênh Canal-đây là công việc mà anh ta được giao cho bởi New England Byways, một tạp chí được xuất bản rộng rãi ở Concord và ra số mới hai lần một tháng. Adrian Mellon nhận công việc này là vì anh ta nghĩ mình đủ sức thu thập được tất cả các thông tin cần thiết để viết một bài nói về con kênh Canal cho tạp chí Byways chỉ trong vòng năm ngày thôi, với lại anh ta cũng đang cần tiền để tiêu trong ba tuần tới và mượn phòng ở Derry Town House. Trong suốt hai tuần khác, Mellon có thể tìm kiếm thông tin để viết bốn bài khác cho tạp chí.

Nhưng trong khoảng thời gian ba tuần đó, Adrian Mellon gặp Don Hagarty, và thay vì trở lại Portland khi thời hạn tìm kiếm thông tin để viết bài chấm dứt, anh ta mượn một căn hộ chung cư ở đường Kossuth Lane và ở đó chỉ có sáu tuần thôi. Sau đó, anh ta chuyển vô sống chung với Hagarty.

8

Mùa hè năm ấy, Hagarty nói với Harold Gardener và Jeff Reeves, là mùa hè tuyệt vời nhất trong đời anh ta-Hagarty nói rằng đáng lẽ anh ta nên tìm hiểu và ngăn chặn chuyện này trước khi quá muộn; anh ta đáng lẽ nên biết trước rằng ông trời không hề có mắt, ông ta đối xử với những người như anh ta thật không công bằng.

Điều tệ nhất, Hagarty nói, chính là tình yêu mến thương của Adrian dành cho Derry. Adrian thậm chí có một chiếc áo thun để dòng chữ MAINE KHÔNG TỆ VÀ DERRY CŨNG THẾ! Anh ta còn có một chiếc áo khoác có in hình con cạp của trường trung học Derry và cái nón kia nữa. Adrian khẳng định anh ta thấy Derry là một nơi quan trọng và đầy sức sống, nó giúp anh ta

có thêm ý tưởng để viết ra nhiều thứ táo bạo. Nhưng giờ đây Adrian đã chết, và vì một lý do nào đó mà Hagarty lấy cuốn tiểu thuyết của người yêu mình ra khỏi chiếc rương của anh ta.

"Ảnh viết cuốn sách đó à?" Gardener hỏi Hagarty mặc dù không mấy quan tâm.

"Đúng vậy-ảnh đã viết được vài trăm trang. Ảnh nói đây có thể là cuốn tiểu thuyết dở nhất mà ảnh từng viết, nhưng giờ đây ảnh đã chết và nó sẽ mãi mãi không được hoàn tất. Trước đó, ảnh dự định sẽ viết xong nó vào tháng mười, đúng ngày sinh nhật ảnh. Adrian, ảnh tưởng ảnh hiểu tất cả mọi thứ về Derry, nhưng ảnh đã thực sự sai lầm. Ảnh sống ở đây chỉ trong một khoảng thời gian ngắn nên ảnh không biết gì về Derry là phải. Tôi đã cố gắng kể cho ảnh nghe Derry khốn nạn như thế nào, nhưng ảnh không thèm nghe tôi."

"Thế anh nghĩ Derry khốn nạn như thế nào hả, Don?" Reeves hỏi.

"Derry khốn nạn như thể xác của một con đĩ đã chết có một con sâu bò ra khỏi lỗ của ả ta," Don Hagarty nói.

Cả hai viên cảnh sát trừng mắt nhìn anh ta trong sự sửng sốt và không nói câu nào hết.

"Derry là một nơi cực kỳ tồi tệ," Hagarty nói. "Và nó tệ chẳng khác gì là một cái ống cống dơ dáy. Mấy anh đều là dân ở đây và sống ở đây gần như cả cuộc đời rồi mà lại không biết Derry khốn nạn như thế nào sao?"

Không một ai trong hai viên cảnh sát trả lời hết. Một lúc sau, Hagarty tiếp tục nói.

Mellon lại đột ngột xuất hiện trong cuộc đời Don khiến kế hoạch anh ta bị trì hoãn. Don đã ở Derry ba năm rồi, chủ yếu là vì anh ta đã lỡ đồng ý ký bản hợp đồng mượn một căn hộ chung cư dài hạn có tầm nhìn ra con sông tuyệt đẹp, nhưng giờ bản hợp đồng đó sắp hết thời hạn và Don cảm thấy rất vui vì điều đó. Như vậy là anh ta sẽ không còn phải vất vả đi từ nhà tới tận chỗ làm ở Bangor và ngược lại. Và sẽ không còn bất cứ cảm giác kì cục nào về nơi đó nữa-Don đã từng nói với Adrian rằng anh ta luôn cảm giác ở Derry lúc nào cũng là một giờ chiều. Có thể đối với Adrian, Derry là một nơi tuyệt vời, nhưng đối với Don thì Derry như là địa ngục trần gian và nó luôn làm cho anh ta phải khiếp sợ. Và cái nỗi sợ hãi mà Derry đang gieo rắc trong đầu Don không đơn thuần chỉ là biểu hiện sự kì thị người đồng tính của người dân nơi đây (sự kì thị của người dân được thể hiện rõ qua lời nói của những người truyền giáo và những hình vẽ graffiti trong công viên Bassey, và Don có thể hiểu được tại sao lại xảy ra sự việc như vậy) mà còn nhiều thứ khác nữa. Adrian cười khi nghe anh ta nói về Derry như thế.

"Ở Mỹ, thị trấn nào cũng phải có một nhóm người kì thị đồng tính hết, Don à," Adrian nói. "Đừng có với anh là em không biết điều đó nhé. Còn ngày nào thằng cha Ronald Reagan còn là tổng thống thì sẽ còn ngày chúng ta phải chịu đựng sự kì thị, và điều đó đã trở nên quá bình thường rồi, em à."

"Nếu anh nói vậy thì hãy theo em đi tới công viên Bassey," Don trả lời, sau khi nghe những gì Adrian nói thật lòng-những lời Adrian nói chẳng có nghĩa gì ngoài việc anh ta đang cho rằng Derry cũng bình thường như bao thị trấn khác. "Em muốn cho anh thấy cái này."

Cả hai người lái xe tới công viên Bassey-lúc này đang là giữa tháng sáu, chỉ một tháng trước khi Adrian chết, Hagarty nói vậy với cảnh sát. Don dắt Adrian vào một nơi tối tăm, nơi mà bóng của cây cầu Kissing Bridge phủ lên hoàn toàn. Anh ta lấy tay chỉ vào một trong những dòng chữ graffiti được viết trên chân cầu. Nhưng vì tối quá không thấy được gì nên Adrian phải quẹt một

que diêm và cầm giữ nó phía bên dưới dòng chữ để đọc.

VẠCH CU RA LÀ TAO CẮT NÓ ĐI NHÉ THẲNG BÓNG.

"Em biết người ta nghĩ như thế nào về gay mà," Don thì thầm. "Em từng bị người ta quỳnh cho bầm đầu ở một trạm dừng xe tải khi còn là thanh thiếu niên; không những vậy, em còn bị mấy tụi du côn ở Portland đốt đi đôi giày mà em thích nhất ở phía ngoài một cửa hàng bán sandwich nữa trong khi đó thằng cha già cảnh sát kia cứ ngồi im trong xe, nhìn và cười em hả hê. Em đã trải qua chuyện đó nhiều lần rồi... nhưng em chưa bao giờ phải chứng kiến những thứ kinh khủng như thế này. Giờ anh hãy nhìn cái này đi, Adrian."

Một que diêm khác được quẹt và ánh sáng của nó giúp cho Adrian thấy được dòng chữ ĐÓNG ĐINH VÀO MẮT CỦA MẤY THẲNG BÊ ĐÊ ĐÓ HẾT ĐI (VÌ CHÚA)!

"Những đứa viết ba cái câu này lên tường chắc chắn đều là khủng nặng hết. Em sẽ cảm thấy tốt hơn nếu như em có thể cho rằng chỉ có duy nhất một đứa khủng làm chuyện này thôi, nhưng mà..." Don quạt tay một cái. "Còn nhiều thứ khác kinh khủng như thế này nữa... và em không thể nào cho rằng chỉ có một đứa làm được. Đó chính là lý do vì sao em rất muốn tụi mình rời khỏi Derry. Ở đây toàn là côn đồ và họ rất ghét những người như chúng ta. Em nghĩ hai đứa mình có thể gặp nguy hiểm nếu như cứ cố ở đây thêm bất cứ ngày nào nữa, Adrian à."

"Ừ thì... em ráng đợi anh viết xong cuốn tiểu thuyết rồi hai đứa mình hẳn rời khỏi Derry, có được không? Em cho anh chút thời gian ở đây nữa đi, Don. Không khí ở đây giúp anh có nhiều ý tưởng để sáng tác hơn. Anh hứa anh sẽ hoàn tất vào tháng mười, không trễ hơn đâu."

"Anh không hề biết rằng sẽ có chuyện này xảy ra để mà coi chừng," Don Hagarty nói với cảnh sát trong sự đả độn.

Tom Boutillier và cảnh sát trưởng Rademacher ngả người về phía trước và không nói một lời nào cả. Chris Unwin vẫn ngồi ngay đó, cúi gầm mặt và nói chuyện với cái sàn nhà một cách tẻ nhạt. Và đây là khúc mà hai người họ muốn nghe nhất; đây là cái khúc mà khi họ nghe xong, ít nhất hai thằng khốn nạn kia sẽ bị đưa tới Thomaston.

"Cái hội chợ đó chả có gì là hay ho cả," Unwin nói. "Ba cái trò cảm giác mạnh ghê mà hay nhất như là Devil Dish và Parachute Drop bị người ta dẹp hết trơn. Đã vậy, trò Bumper Cars cũng bị dẹp đi luôn mới ghê chứ. Ở trong chả có gì để chơi ngoài ba cái trò tàu lượn siêu tốc dành cho mấy đứa con nít năm tuổi. Bởi vậy, tui tui mới lại chỗ ba cái gian hàng trò chơi để coi coi có gì hay ho không, rồi cái sau đó Webby thấy gian hàng Pitch Til U Win, rồi ảnh trả năm mươi cent cho người ta, rồi dùng một cái, ảnh thấy cái thằng bê đê kia đang đội cái nón đó, nhưng ảnh không nói gì hết, ảnh chỉ tập trung ném ba cái vòng nhựa đồ chơi vào mấy cái cọc gỗ nhưng mà hụt quòai à, hụt liên tiếp luôn đó. Mà mấy chú không, ảnh mà càng ném hụt nhiều thì ảnh lại càng nổi điên lên nhiều hơn nữa. Còn anh Steve-ảnh có cái tật đi đâu cũng nói bình tĩnh này, bình tĩnh nọ, mấy chú biết không? Cái tật đó chắc là do cái viên thuốc ảnh hay uống gây ra. Tui không biết đó là thuốc gì, tui chỉ biết viên ảnh uống có màu đỏ và không phải là ma túy hay là chất nghiện gì đó thôi. Bởi uống riết nên ảnh cứ tò tò đi theo Webby và kêu bình tĩnh này, bình tĩnh nọ nhiều tới nỗi tui tưởng Webby sẽ cho ảnh một trận luôn đó chứ. Còn giờ quay trở lại vấn đề chánh nè, khi Webby thua vì ném không vô cái cọc gỗ nào hết thì ảnh điên tiết lên và cảm thấy vô cùng nhục nhã. Tui nghĩ ảnh nổi điên lên như vậy thì cũng đúng thôi, tui hỏi nếu như mấy chú là Webby thì mấy chú sẽ cảm thấy như thế nào? Nhục đúng không? Phải nói là quá nhục và quá tức mới đúng. Steve bắt đầu chọc quê Webby, ảnh nói thằng nào không thắng được chiếc nón như thằng bê đê đó thì thằng đó quả thật là bất tài và vô dụng. Nhưng cuối cùng, bà chủ gian hàng tặng cho Webby một

phần quà luôn mặc dù ảnh ném không có cái nào vô cớ gì hết. Tui nghĩ bà làm vậy là bởi vì bà muốn tui tui rời khỏi gian hàng của bà càng sớm càng tốt. Tui chỉ nghĩ vậy thôi chứ tui cũng không biết nữa. Có thể bà không muốn đuổi tui đi, nhưng trong đầu tui lại nghĩ bà muốn. Tui đoán tất cả mọi chuyện đều là do tiếng phát ra từ cái kèn giấy lưỡi ếch sọc dài này, mà mấy chú có biết thứ đó không? Ban đầu, cái kèn giấy cuộn tròn lại, nhưng khi mấy chú thổi nó thì nó sẽ tự động trải dài ra trước mặt và phát ra thứ âm thanh nghe như tiếng địt của mấy chú vậy. Tui nghĩ mấy chú ai cũng từng có một cái như vậy hồi còn nhỏ, có đúng không? Nói cho mấy chú biết luôn, hồi nhỏ, tui cũng có một cái như thế. Cứ vào mỗi dịp Halloween hay năm mới hay dịp lễ nào đó, tui đều mang nó ra chơi. Tui nghĩ nó là món đồ chơi tuyệt nhất mà tui từng có, nhưng chỉ có điều là tui đã làm mất nó. Hoặc có thể là có đứa nhóc khốn nạn nào đó đã chôn nó bằng cách móc túi tui ngay trong sân trường. Quay lại vấn đề chánh, cả hội chợ sau đó nghỉ nên tui tui phải rời khỏi đó và Steve vẫn cứ chọc tức Webby về việc thua trò chơi trẻ con đó, nhưng Webby lại không nói gì nhiều, và tui biết đó là một dấu hiệu xấu và tui phải làm cái gì đó để thay đổi tình hình. Lúc đó, tui nghĩ rằng tui nên thay đổi chủ đề cho cuộc nói chuyện, nhưng chỉ có điều là tui không biết chủ đề nào để nói hết. Khi tui tui tới bãi đậu xe, Steve hỏi Webby ảnh muốn đi đâu thì Webby trả lời rằng ảnh muốn tui tui tới quán bar Falcon để coi thằng bê dê đó có ở đó hay không."

Boutillier và Rademacher nhìn nhau. Boutillier giơ lên một ngón tay và gõ nó nhẹ vào một bên má: cái thằng ngu này không biết rằng nó đã phạm tội giết người cấp độ một.

"Thế là tui nói với ảnh là tui sẽ không đi bởi vì tui cần phải về nhà, rồi Webby nói tui không dám tới quán bar đó vì sợ mấy thằng bê dê, đồng tính, nhưng rồi tui liền lập tức phủ nhận điều đó. Còn Steve thì như là đang phê cần hay sao á, ảnh cứ đứng đó nói, Đi thật thằng bê dê đó nào! Đi thật thằng bê dê đó nào..."

Lên kế hoạch và canh thời gian để dễ bề hành động là những yếu tố cần thiết giúp cho mọi chuyện trở nên đúng như ý muốn. Adrian Mellon và Don Hagarty bước ra khỏi quán bar Falcon sau khi uống xong hai cốc bia, họ nắm tay nhau đi ngang qua bến xe và không nghĩ ngợi gì nhiều. Lúc đó là mười giờ hai mươi tối. Cả hai người họ bước tới góc đường rồi quẹo trái.

Từ đây, cây cầu Kissing Bridge cách xa gần nửa dặm ở hướng thượng nguồn của con sông; hai người họ dự sẽ đi qua cây cầu nối liền hai đoạn đường Main Street, mà cây cầu này thì lại không đẹp bằng cây cầu Kissing Bridge kia. Mực nước của dòng sông Kenduskeag vẫn thấp, không cao hơn bốn feet cống thoát nước thải.

Tụi giang hồ theo kịp cặp đôi (Steve Dubay trước đó là người đầu tiên phát hiện hai người bước ra khỏi quán bar Falcon và phẩn khởi chỉ tay vào để hai đứa còn lại thấy), và cặp đôi đó không hề biết rằng họ đang bị chúng đồn chân đến đường cùng.

"Nhào vô! Nhào vô mau!" Webby Garton hét lên. Cặp đôi đó chỉ vừa mới đi ngang qua một cây đèn đường và cậu ta phát hiện ra họ đang nắm tay nhau. Và điều này làm cho cậu ta tức giận... nhưng không bằng cái nón mà Adrian đang đội, cái nón đó thực sự khiến Garton muốn ăn tươi nuốt sống Adrian ngay lập tức. Cành hoa được gắn trên cái nón lúc lắc liên tục không ngừng, nó dường như đang chọc cho cậu ta tức giận hơn nữa. "Bà mẹ nó, xử lý tụi nó cho tao!"

Và Steve nhào vô.

Chris Unwin sau đó từ chối tham gia cuộc ẩu đả này, nhưng Don Hagarty lại kể chuyện này với cảnh sát khác so với sự thật. Anh ta nói rằng Garton vội vàng bước ra khỏi xe trong khi nó chưa dừng bánh hãm, và hai đứa bạn kia

chạy lại và bám theo cậu ta. Tiếp theo là cuộc đối thoại giữa ba người họ. Nội dung của cuộc đối thoại này không hề hay ho chút nào. Và lần này, Adrian không còn "thả thính" bậy bạ hay trở nên láo xược như lần trước nữa mà nhận ra rằng người yêu và mình đang thực sự gặp phải rắc rối to.

"Đưa cái nón đó cho tao," Garton nói. "Đưa nó ngay cho tao, thằng bê đê kia."

"Tôi đưa rồi thì mấy người sẽ tha cho tụi tôi chứ?" Adrian nín thở trong sự sợ hãi và sắp sửa khóc. Anh ta nhìn Unwin rồi Dubay rồi Garton với ánh mắt sợ sệt.

"Cứ đưa cái nón chó chết đây!"

Adrian đưa nó cho Garton. Garton lấy ra một con dao nhỏ từ túi bên trái đằng trước quần jeans và cắt cái nón ra thành hai mảnh. Cậu ta lấy hai mảnh giấy đó chà lên mũi mình. Sau đó, cậu ta vứt chúng xuống đất, giẫm lên và chà đạp không thương tiếc.

Don Hagarty lùi một vài bước trong lúc đám giang hồ đang bị phân tâm bởi Adrian và cái nón-anh ta nhìn xem có cảnh sát nào ở gần đó không.

"Giờ thì mấy người tha cho tụi t-" Adrian Mellon bắt đầu nói, và đó là lúc Garton cho anh ta một cú đấm thật mạnh vô mặt rồi đẩy anh ta tới lan can của cây cầu (lan can chỉ cao tới hông anh ta thôi). Adrian hét toáng lên rồi lấy tay sờ vào miệng mình. Máu từ từ chảy qua kẽ hở giữa những ngón tay của anh ta.

"Adrian!" Hagarty hét lên và chạy tới Adrian. Dubay đưa chân mình ra để anh ta vấp ngã. Sau đó, Garton ra sức đá liên tục vào bụng Hagarty, cho vài cú đấm thần sầu rồi quăng anh ta từ vỉa hè xuống lòng đường. Bỗng nhiên, có một chiếc xe hơi chạy ngang qua. Hagarty cố gắng vực dậy và hét lên cầu

cứu, nhưng chiếc xe đó không hề dừng lại. Thậm chí người lái xe, Hagarty nói với Gardener và Reeves, còn không thèm quay đầu lại để coi có chuyện gì xảy ra.

"Câm đi, thằng bê đê!" Dubay nói, rồi đá vào một bên mặt của anh ta. Hagarty lăn xuống rãnh nước trên đường và nằm ngay đó nửa tỉnh nửa mê.

Một lúc sau, anh ta nghe thấy giọng nói của Chris Unwin. Unwin kêu anh ta bỏ chạy đi trước khi lãnh đủ như Adrian. Khi được cảnh sát hỏi về điều này, Unwin xác nhận mình có đưa ra lời cảnh báo này cho Hagarty.

Hagarty có thể nghe thấy tiếng nhóm côn đồ đánh Adrian và tiếng hét thảm thiết của anh ta. Hagarty nói với cảnh sát rằng Adrian gào thét nghe như tiếng kêu của một con thỏ đáng thương đang bị mắc bẫy vậy. Hagarty ráng lết trở lại ngã tư kia và thấy ánh đèn của bến xe buýt ở phía xa, anh ta dùng hết sức mình để có thể tới được nơi đó. Một lúc sau, anh ta dừng và quay đầu lại để nhìn.

Adrian Mellon, người cao trên một mét sáu mươi lăm và có thể nặng tới sáu mươi tám ký, vãi mồ hôi ra đầm đìa và bị đẩy từ Garton tới Dubay rồi tới Unwin như là quả bóng chày. Cả người anh ta xụi bại đệt như một con búp bê bằng vải cũ rách vậy. Tụi côn đồ cứ thế đấm anh ta, đập anh ta, xé toạc áo quần của anh ta. Hagarty nói với cảnh sát rằng anh ta còn nhìn thấy Garton đá vô háng của người yêu mình nữa. Đầu tóc của Adrian rũ rượi. Máu tuôn ra từ miệng và thấm vào chiếc áo của anh ta. Webby Garton lúc đó có đeo hai chiếc nhẫn rất to ở tay phải: một cái của trường trung học phổ thông Derry và một cái do cậu ta tự làm ra trong lớp dạy nghề-Hai chữ cái DB bằng đồng được đính lên chiếc nhẫn. Hai chữ cái DB này viết tắt cho từ Dead Bugs, tên của một nhóm nhạc rock mà cậu ta vô cùng ngưỡng mộ. Chính hai chiếc nhẫn này đã xé toạc môi trên của Adrian và đập bể ba cái răng hàm trên.

"Bớ người ta!" Hagarty la lên. "Bớ người ta! Bớ người ta! Giết người! Bớ

người ta!"

Tất cả những tòa nhà trên đường Main Street đều được nhuộm một màu đen huyền bí bởi bóng tối màn đêm. Không một ai tới cứu họ hết-thậm chí cũng chẳng có "con ma" nào từ bến xe buýt tới cứu hết, và Hagarty không tài nào hiểu nổi tại sao lại như vậy. Mới nãy, lúc đi ngang qua, anh ta và Adrian thấy ở đó vẫn còn một vài người khách kia mà. Hồng lẽ không một ai trong số họ muốn tới cứu giúp à? Không một ai thật sao?

"BỐ NGƯỜI TA! BỐ NGƯỜI TA! TỤI NÓ ĐANG GIẾT ANH ẤY! BỐ NGƯỜI TA! TRỜI PHẬT ƠI, AI ĐÓ LÀM ƠN CỨU ANH ẤY DÙM TÔI!"

"Bố người ta," giọng nói của Don Hagarty từ từ nhỏ lại... và sau đó là giọng cười khúc khích của một ai đó.

"Quăng nó xuống con kênh đi!" Garton la lên... vừa la vừa cười. Cả ba tụi nó, Hagarty nói với Gardener và Reeves, cười như điên trong lúc đánh Adrian. "Quăng nó đi! Qua lan can luôn!"

"Quăng nó đi! Quăng nó đi! Quăng nó đi!" Dubay hô to và cười lớn.

"Bố người ta," lại là cái giọng nói yếu ớt đó nữa, và mặc dù giọng nói đó nghe có vẻ quan trọng, nhưng cái tiếng cười khúc khích lại sau đó vang lên và lẫn át nó-tiếng cười ấy nghe như là của một đứa trẻ tinh nghịch nào đó.

Hagarty nhìn xuống con kênh và thấy tên hề-và tới khúc này là Gardener và Reeves không còn tin những gì Hagarty nói nữa bởi vì những lời nói sau đó của anh ta dường như chỉ có những thằng điên mới có thể hiểu được. Nhưng rồi một hồi sau đó, Harold Gardener bắt đầu thắc mắc về chuyện này. Và khi Gardener chợt nhận ra rằng ngay cả thằng nhóc Unwin cũng đã nhìn thấy tên hề đó, anh ta bắt đầu có suy nghĩ khác. Có thể người đồng nghiệp của anh ta cũng có suy nghĩ tương tự như vậy nhưng lại không dám thừa

nhận điều đó.

Hagarty kể lại rằng tên hề đó nhìn như một phiên bản trộn lẫn giữa hề Ronald McDonald và chú hề từng xuất hiện trên TV, Bozo. Chính những nhúm tóc màu cam ngộ nghĩnh của hắn đã khiến anh ta liên tưởng đến Ronald và Bozo. Nhưng đến chùng xem xét lại một cách kỹ lưỡng, anh ta nhận ra hắn chẳng có điểm nào giống họ hết. Nụ cười được vẽ trên khuôn mặt trắng toát của hắn có màu đỏ, không phải màu cam, và đôi mắt của hắn sáng lóng lánh và chúng dường như có màu bạc. Có lẽ lúc đó, hắn đang đeo kính áp tròng nên mới vậy... nhưng một phần trong tâm trí của anh ta cứ nghĩ rằng đôi mắt của hắn có màu bạc thật. Tên hề mặc một bộ com-lê rộng phồng phình có đính những chiếc cúc áo màu cam thật to và hắn đeo một đôi găng tay màu trắng.

"Đừng buồn nữa, Don," tên hề nói. "Tôi có một vài quả bong bóng cho cậu đây."

Và hắn giơ chùm bóng bay hắn đang cầm trong tay lên cao.

"Chúng lơ lửng," tên hề nói. "Tất cả mọi thứ ở dưới đây đều lơ lửng, và sớm hay muộn gì thì người yêu của cậu cũng sẽ lơ lửng thôi."

12

"Tên hề đó gọi tên anh à?" Jeff Reeves hỏi với giọng nói không chứa bất kỳ cảm xúc nào. Hagarty cúi gằm mặt và Reeves nhìn Harold Gardener rồi nháy mắt.

"Đúng vậy," Hagarty nói và vẫn không hề ngước mặt lên. "Tôi biết chuyện này nghe có vẻ điên rồ như thế nào mà."

13

"Rồi sau đó, cậu quăng anh ta khỏi cây cầu," Boutillier nói. "Xuống con kênh luôn."

"Tui không có làm chuyện đó!" Unwin nói và ngược mặt lên. Cậu ta lấy tay vén mái tóc mình sang một bên rồi nhìn chăm chăm vào họ ngay lập tức. "Khi tui thấy hai người họ sắp sửa quăng thẳng bê dê đó ra khỏi cây cầu, tui đã cố gắng thuyết phục Steve dừng ngay lại việc làm này bởi vì tui nghĩ rằng thẳng bê dê có thể sẽ bị thương rất nặng nếu như bị quăng xuống dưới đó và tui tui có thể sẽ phải đi tù một gông... Tui đoán cây cầu cách mặt nước tới ba mét lận."

Thực ra con số đó phải là bảy mét mới đúng. Một trong những cảnh sát đi tuần tra đã được Rademacher cử xuống để đo lại khoảng cách ấy.

"Nhưng cho dù tui có thuyết phục có cách mấy đi chăng nữa thì Steve vẫn không chịu dừng lại. Cả hai người họ cứ hô to 'Quăng nó đi! Quăng nó đi!' rồi sau đó nâng người thẳng bê dê lên. Webby lấy tay đỡ người nó, còn Steve thì đỡ đít nó, và... và..."

14

Khi Hagarty thấy chúng sắp sửa quăng Adrian xuống, anh ta liền lao về phía chúng và la lên "Không! Không! Không!" thật to.

Chris Unwin đẩy anh ta về phía sau và Hagarty té xuống lòng đường nghe cái bịch. "Bộ mày chán sống rồi hả?" cậu ta nói. "Khôn hồn thì rút ra khỏi đây!"

Sau đó, bọn chúng cùng nhau quăng Adrian Mellon ra khỏi cây cầu xuống dòng nước. Hagarty nghe thấy tiếng nước bắn tung tóe.

"Xong rồi, giờ thì mau chuồn ra khỏi đây thôi," Steve Dubay nói. Cậu ta cùng với Webby nhanh chóng quay trở lại chiếc xe.

Chris Unwin bước tới gần lan can và nhìn xuống dưới. Thứ đầu tiên cậu ta thấy chính là Hagarty, anh ta đang lê lết, cố gắng bước tới bờ kênh, xung quanh anh ta chỉ là cỏ cây, hoa lá và rác. Rồi sau đó, Chris nhìn thấy tên hề. Một tay hắn đang lôi Adrian về phía xa ở bờ bên kia và một tay hắn đang cầm vài quả bong bóng. Adrian rên rỉ, cả người anh ta ướt sũng, mũi và cả hai lỗ tai của anh đều bị nghẹt nước. Tên hề xoay đầu lại cả trăm tám chục độ, nhìn Chris và cười toét miệng. Chris nói với cảnh sát rằng cậu ta nhìn thấy đôi mắt màu bạc của hắn lóe sáng và miệng của hắn chỉ toàn là răng nanh không.

"Răng của hắn to tổ mẹ," cậu ta nói. "Y chang răng của mấy con sư tử vậy."

Chris nói rằng sau đó, cậu ta thấy tên hề kéo một trong hai cánh tay của Adrian về phía sau thật mạnh rồi kê đầu vào nách của anh ta.

"Rồi sao nữa, Chris?" Boutillier nói. Anh ta không hứng thú nghe khúc này cho lắm. Ba cái chuyện cổ tích tào lao đã khiến anh ta cảm thấy chán từ lúc anh ta chỉ mới có tám tuổi thôi.

"Tui cũng không biết nữa," Chris nói. "Ngay lúc đó, Steve bất thành linh xuất hiện và lôi tui vô xe. Nhưng mà tui có để ý... là hình như hắn đang cắn vào nách của thằng bê đê đó thì phải." Cậu ta ngược mặt lên và nhìn họ một lần nữa với vẻ mặt ngơ ngác. "Tui nghĩ hắn đã làm việc đó. Cắn vô nách của thằng bê đê."

"Nhìn hắn cứ như đang muốn ăn tươi nuốt sống thằng bê đê vậy. Không những thế, hắn còn có vẻ như muốn nhai ngấu nghiến trái tim của thằng đó mới ghê chứ."

"Không đúng," Hagarty nói khi anh ta nghe câu chuyện của Chris Unwin do cảnh sát kể dưới dạng câu hỏi. Tên hề quái quỷ không hề lôi Adrian lên bờ kia (đối diện với bờ Hagarty đứng) của con kênh, ít ra đó không phải là thứ anh ta phải nhìn thấy-Hagarty thừa nhận rằng lúc đó, đầu óc của anh ta cực kỳ rối rắm và không thể nào tỉnh táo được hơn nữa, dẫn tới việc anh ta không để ý gì nhiều cho lắm; Hagarty nghĩ rằng mình đã thực sự phát điên.

Hagarty nói rằng tên hề lúc đó đang đứng ở gần bờ đối diện, nắm Adrian trên tay thật chặt. Cánh tay phải của Adrian được đặt lên vai hắn và bị cổ hắn kẹp lại. Tên hề đưa đầu vô nách anh ta nhưng không hề cắn, mà thay vào đó hắn mỉm cười. Hagarty có thể thấy hắn đang nhìn xung quanh từ phía bên dưới cánh tay của Adrian và mỉm cười.

Đột nhiên, cả hai cánh tay của hắn siết chặt cơ thể Adrian lại, và Hagarty nghe thấy tiếng rắc rắc. Xương sườn Adrian gãy từng khúc.

Adrian hét lên.

"Có muốn lơ lửng theo người yêu cậu không, Don?" Lời nói phát ra từ cái miệng đỏ lỏm của tên hề. Hắn cười toét miệng và đồng thời chỉ vào nơi bóng của cây cầu phủ lên.

Bong bóng ngay sau đó xuất hiện và bay lơ lửng dưới gầm cầu-ở đây không chỉ có một chục trái hay vài chục trái thôi đâu, mà là có tới hàng ngàn trái lặn; đủ thứ màu sắc luôn: đỏ, xanh dương, vàng, xanh lá; và trên mỗi trái đều có đề dòng chữ I <3 DERRY!

16

"Chà, bong bóng ở đâu ra mà nhiều dữ," Reeves nói và nháy mắt với Harold Gardener một lần nữa.

"Tôi biết chuyện này điên rồ như thế nào mà," Hagarty nhắc lại câu nói

của mình với giọng điệu buồn bã.

"Anh thấy mấy trái bong bóng đó thiệt à?" Gardener hỏi.

Don Hagarty từ từ giơ hai bàn tay lên và để chúng trước mặt mình. "Phải, tôi thấy chúng rất rõ, rõ như tôi đang nhìn thấy mấy ngón tay này hiện giờ vậy. Tổng cộng, theo tôi nghĩ, là có tới hàng ngàn trái lặn. Nếu mấy người là tôi, thì mấy người cũng khó có thể nhìn thấy được mặt bên dưới của cây cầu, là vì có quá nhiều trái tập trung ở cùng một chỗ, đó chính là gầm cầu. Chúng lơ lửng, từng lên từng xuống và cọ xát vào nhau, gây ra thứ âm thanh nghe hơi khó chịu chút. Ở gần cây cầu đó có một khu rừng treo đầy những cây dây leo, và chúng nhìn như là mấy sợi dây kết thành mạng nhện vậy. Và đó chính là nơi tên hề đưa Adrian vô. Tôi có thể nghe thấy tiếng sột soạt khi hắn đi qua những cây dây leo kia và tiếng thở khò khè của Adrian. Tôi chỉ đứng đó và bần thần nhìn hắn ta... rồi sau đó, tên hề tự nhiên ngoái đầu lại nhìn tôi. Tôi thấy ánh mắt của hắn và tôi ngay lập tức nhận ra hắn thực chất là cái gì."

"Vậy tên hề đó thực chất là cái gì hả, Don?" Harold Gardener nhẹ nhàng hỏi.

"Hắn chính là Derry," Don Hagarty nói. "Hay nói cách khác, hắn chính là bộ mặt thực sự của thị trấn Derry."

"Rồi sau đó, anh làm gì nữa?" Reeves hỏi.

"Tôi bỏ chạy chứ còn cái gì nữa," Hagarty nói rồi bắt đầu khóc.

17

Harold Gardener giữ ý nghĩ này trong đầu và không nói cho bất cứ ai nghe cho đến ngày mười ba tháng mười một (một ngày trước khi Tòa án nhân dân thị trấn Derry mở phiên tòa hình sự sơ thẩm xét xử vụ án giết người. Bị cáo là John Garton và Steve Dubay, còn nạn nhân là Adrian Mellon).

Gardener tìm đến Tom Boutillier là vì anh ta muốn nói chuyện về tên hề. Còn Boutillier thì lại không muốn-nhưng khi anh ta nghĩ rằng Gardener có thể sẽ làm một việc gì đó cực kỳ ngu ngốc mà không hề có bất kì sự hướng dẫn nào, anh ta mới chịu nói về chuyện đó.

"Làm gì mà có thằng hề nào điên khùng như vậy, Harold. Chỉ có ba thằng nhóc nhãi ranh kia mới là lũ hề vào tối hôm đó thôi. Tôi biết rõ điều đó và anh cũng vậy, Harold."

"Nhưng mà chúng ta có hai nhân chứng-"

"Ồi giờ, toàn là lũ tào lao không. Rõ ràng là thằng nhóc Unwin cố tình đổ thừa cho một nhân vật bí ẩn nào đó trong trí tưởng tượng ngay sau khi nó hiểu ra được rằng rắc rối mà nó đang gặp phải lớn cỡ nào. Còn Hagarty thì bị kích động dẫn tới việc anh ta bị rối loạn thần kinh, thành ra mới nói ba cái thứ tào lao như vậy. Sự thật là vào tối hôm đó, Hagarty chỉ chứng kiến cảnh người yêu mình bị đám nhóc kia giết chết có vậy thôi. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu như anh ta nói với tôi rằng anh ta thấy đĩa bay của người ngoài hành tinh."

Nhưng Boutillier thực chất biết rằng những lời mình vừa nói đều không đúng. Gardener có thể thấy được điều đó trong đôi mắt của anh ta và tất nhiên, việc né tránh sự thật và dùng những lời biện minh như vậy khiến Gardener rất bức mình.

"Thôi nào," anh ta nói. "Chúng ta đang nói về điều kỳ lạ của hai nhân chứng này nhé. Đừng có mà ngồi đó mà nói vợ va vợ vẫn hoài."

"Ô, thế anh muốn nói về ba cái điều kỳ lạ vợ vẫn đó ư? Anh muốn nói với tôi rằng anh tin thằng hề khốn kiếp đó có thật ở ngoài đời à? Bởi vì theo tôi nghĩ, điều đó mới là vợ vẫn đấy."

"Không phải, mà là-"

"Hay là anh muốn nói với tôi là anh tin rằng Hagarty thật sự thấy một tỷ trái bong bóng bay lơ lửng ở dưới gầm cầu và trên mỗi trái đều có đề dòng chữ I <3 DERRY, y hệt dòng chữ được in trên chiếc nón của người yêu anh ta à? Bởi vì theo tôi nghĩ, điều đó cũng là vợ vẫn đấy."

"Không phải mà-"

"Vậy chứ anh nói chuyện với tôi làm gì?"

"Anh có thôi thăm vấn tôi được không?!" Gardener la lên. "Ý tôi nói điều kỳ lạ ở đây là cả hai nhân chứng đó đều miêu tả về tên hề giống nhau mặc dù cả hai người không ai biết người kia nói cái gì hết!"

Boutillier vẫn ngồi ở bàn làm việc, lúc lắc cây bút chì bằng hai ngón tay của mình. Nhưng rồi sau đó, anh ta bỏ cây bút xuống, đứng dậy và bước tới gần Gardener. Và để tránh xa cơn thịnh nộ của người đàn ông đó, Gardener lùi một bước. Boutillier thấp hơn anh ta khoảng tấc hai.

"Chả nhẽ anh muốn chúng ta đành phải chịu bó tay trước vụ án mạng này sao? Anh muốn bị mất việc ư?"

"Đương nhiên là không rồi-"

"Vậy anh có muốn lũ cô hồn kia được tự do không?"

"Không!"

"Ô-kê. Thế là tốt rồi. Vì cả hai chúng ta đều đồng ý về những điều này, cho nên tôi sẽ nói cho anh nghe tất cả những gì mà tôi nghĩ trong đầu. Đúng là tôi có nghĩ rằng có một gã lạ mặt nào đó chui vô gầm cầu vào tối hôm đó. Thậm chí hẳn còn có thể mặc đồ và hóa trang như một thằng hề nữa. Tôi đã

tra hỏi tất cả những nhân chứng từng có mặt tại hiện trường để đoán xem hẳn là một gã ăn xin, say rượu hoặc chỉ là một gã vô gia cư tình cờ lượm được bộ đồ hề này ở đâu đó rồi mặc tạm. Tôi nghĩ có lẽ, hẳn núp bên dưới cây cầu là để dễ bề thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người dân hoặc là hiếp dâm đấy. Bằng chứng là có nửa miếng bánh mì của ai đó bị quăng xuống con kênh. Tôi còn nghĩ rằng lúc khi nhìn Hagarty, ánh mắt kinh khủng của gã lạ mặt có lẽ đã nói lên tất cả, rằng hẳn chính là kẻ biến thái hay hiếp dâm gì đó, Harold. Tôi nói vậy, anh nghĩ sao? Có hợp tình hợp lý không?"

"Tôi cũng không biết nữa," Harold nói. Anh ta rất muốn được Gardener thuyết phục hoàn toàn, nhưng mà những giả thuyết mà Gardener vừa mới đưa ra thì... không. Chúng không hề có sức thuyết phục tí nào cả, lý do là vì Harold nghĩ rằng chúng không hề đúng.

"Tôi cạn lời với anh rồi đấy nhé. Bây giờ nè, cho dù cái gã lạ mặt đó là ai và có mặc đồ như thế nào đi chăng nữa, tôi cũng đéo thêm quan tâm nữa, là bởi vì nếu như chúng ta lờ cái gã lạ mặt này vô vụ án, thì chắc chắn luật sư bào chữa của hai thằng kia sẽ đi điều tra về gã đó ngay lập tức. Rồi sau đó, cái người luật sư này sẽ đứng lên và nói với tòa án rằng hai thằng nhóc ngây thơ và vô tội này đéo làm gì sai cả ngoài việc chúng quăng thẳng bê đê Mellon xuống con kênh chỉ để cho vui thôi. Còn nữa, cái người luật sư này sẽ chỉ ra rằng Mellon vẫn còn sống sau khi bị quăng xuống dựa trên lời khai của Hagarty và Unwin. Vì thế cho nên, tôi nhắc lại một lần nữa, nếu chúng ta lờ cái gã lạ mặt này vô vụ án, thì cả bàn dân thiên hạ sẽ đổ dồn sự chú ý vô hẳn ta và tất cả mọi thứ sẽ đổ bể hết."

"Nhưng trước sau gì thì thằng nhóc Unwin cũng sẽ nói về cái gã này trước tòa thôi."

"Ô, nhưng Hagarty sẽ không nói đâu," Boutillier nói. "Là bởi vì anh ta biết điều. Một khi Hagarty xác nhận là không có gã nào khác ngoài hai thằng kia là hung thủ, thì ai sẽ tin lời của một thằng nhóc nhãi ranh mười lăm tuổi

đây?"

"Còn chúng ta nữa chi?" Harold Gardener nói trong sự đặng cay và đầy bất ngờ. "À, tôi quên là chúng ta không được tiết lộ chuyện này."

"Giời ơi, anh đừng có mà chọc tôi điên lên nhá!" Boutillier la lên và quơ tay. "Chúng nó giết Mellon! Chúng nó đâu chỉ quăng anh ta ra khỏi cây cầu. Nên nhớ, thằng nhóc Garton đã dùng dao để đâm bảy nhát vào người Mellon, trong đó bao gồm một nhát vào phổi và hai nhát vào hòn dái. Bằng chứng là những vết thương đó khớp với lưỡi dao của thằng nhóc đấy nhé. Còn nữa nè, tổng cộng có bốn cái xương sườn trong người Mellon bị gãy hoàn toàn, và thủ phạm gây ra việc này chính là Dubay, thằng nhóc đấy đã dùng hết sức lực để ôm và siết người anh ta lại thật chặt. Không những vậy, trên cổ, má bên trái và hai cánh tay của anh ta còn xuất hiện những vết cắn kỳ lạ nữa. Tôi nghĩ rằng chúng đều là do thằng Unwin và Garton gây ra hết, mặc dù chúng ta chỉ xác định được có một vết cắn khớp với răng của chúng thôi. Vết cắn đấy có thể sẽ không đủ sức thuyết phục trước tòa, nhưng điều đó chả có gì là to tát hết. Còn nữa, nách phải của Mellon bị mất một miếng thịt to đùng, thì sao nào? Một trong ba thằng hăn là thích tấp thịt người lắm cơ mà. Có lẽ trong lúc tấp miếng thịt, nó cảm thấy "hưng phấn" lắm đấy. Tôi cá việc này là do Garton làm, mặc dù chúng ta sẽ không bao giờ có thể chứng minh được điều này. Và dái tai của Mellon biến mất đi luôn."

Boutillier dừng lại câu nói của mình rồi nhìn chăm chăm Harold.

"Nếu lời chuyện về thằng hề vô vụ án, thì chúng ta sẽ không bao giờ có cơ hội nhốt chúng vô tù đâu. Anh có muốn như thế không?"

"Không, tôi nói rồi mà."

"Gã bê dê ấy chả hại ai bao giờ cả," Boutillier nói. "Ấy vậy mà tụi du côn trẻ trâu kia lại nhần tâm ra tay sát hại anh ta. Tôi thề tôi sẽ tổng tụi nó vào tù

bằng mọi giá, anh bạn à, và nếu như tôi nghe chúng bị người ta thông dít ở Thomaston, tôi sẽ gửi cho chúng một vài lá thư nói rằng tôi mong thằng thông dít đó có AIDS."

Cuồng nhiệt lắm, Gardener suy nghĩ. Sau vụ này, có thể anh sẽ được thăng quan tiến chức đó.

Rồi sau đó, Gardener bỏ đi mà không nói gì nữa, bởi vì anh ta cũng muốn lũ cô hồn các đảng đó phải đi tù hết.

18

John Webber Garton bị kết án mười tới hai mươi năm tù vì tội giết người cấp độ một. Cậu ta bị đưa tới nhà tù Thomaston.

Steven Bishoff Dubay bị kết án mười lăm năm tù vì tội giết người cấp độ một. Cậu ta bị đưa tới nhà tù Shawshank.

Tòa án xét xử Christopher Philip Unwin riêng biệt bởi vì cậu ta chưa thành niên. Unwin nhận án treo và bị đưa tới trại cải tạo South Windham Boys và sẽ phải ở đó trong vòng sáu tháng vì tội giết người cấp độ hai.

Vào thời điểm tôi viết câu chuyện này, cả ba bản án đều được tòa án xem xét lại; Garton và Dubay có thể được bắt gặp vào bất cứ ngày nào, chúng nó có thể đang ngắm gái hay đang chơi trò Penny Pitch trong công viên Bassey, không xa nơi xác của Mellon được tìm thấy dưới cầu Main Street.

Don Hagarty và Chris Unwin đã rời khỏi thị trấn.

Tại phiên tòa xét xử Garton và Dubay, không một ai nhắc tới tên hề.

IT - NÓ

Stephen King
www.dtv-ebook.com

Phần 1: Bóng Tối Quá Khứ - Chương 3

CHƯƠNG 3: SÁU CUỘC GỌI (1985)

1

Stanley Uris đi tắm

Patricia Uris sau đó nói với mẹ mình rằng đáng lẽ cô ta phải nhận ra có chuyện gì đó cực kỳ tệ đang xảy ra. Patty (tên rút ngắn của Patricia) đáng lẽ phải biết trước được điều đó bởi vì Stanley không bao giờ chịu tắm bồn vào buổi chiều. Anh ta chỉ tắm vòi sen vào sáng sớm và lâu lâu ngâm mình trong bồn vào đêm khuya (với một tờ tạp chí và một lon bia trong tay), nhưng tắm bồn vào lúc bảy giờ chiều không phải việc anh ta thường xuyên làm.

Rồi tới chuyện về những cuốn sách kia. Đáng lẽ chúng phải làm cho anh ta cảm thấy vui mừng; nhưng thay vào đó, chúng dường như khiến cho anh ta cảm thấy đau khổ và suy sụp tinh thần, và Patty không hiểu rõ tại sao. Khoảng ba tháng trước cái đêm kinh hoàng đó, Stanley phát hiện ra một người bạn thời ấu thơ của mình là một nhà văn-Patty nói với mẹ mình rằng người đó không phải là một nhà văn mà là một tiểu thuyết gia thực thụ. Trên bìa của những cuốn sách đều có để tên tác giả William Denbrough, nhưng Stanley đôi lúc gọi anh ta là Bill Cà Lăm. Stanley đã đọc gần hết những cuốn sách do người đó viết; trên thực tế, anh ta đọc cuốn cuối cùng vào đêm ngày hai mươi tám, tháng năm, năm 1985. Patty mua cho mình một trong những cuốn được viết gần đây nhất vì quá tò mò. Nhưng rồi cô ta đành phải dẹp nó đi sau khi đọc được ba chương.

Cuốn sách đó không phải là một cuốn tiểu thuyết bình thường; nó là một cuốn truyện kinh dị thì đúng hơn. Patty nói như vậy với mẹ, và suýt chút nữa gọi nó là một cuốn truyện sex. Patty là một người phụ nữ ngọt ngào và tốt bụng nhưng chỉ có điều là phát âm không được rõ ràng cho lắm mỗi khi nói chuyện-cô ta đã từ lâu muốn nói cho mẹ mình biết cuốn sách đó làm cho cô sợ hãi đến mức nào và tại sao như vậy, nhưng lại không thể. "Cuốn sách đó toàn là quái vật không," cô ta nói. "Một lũ quái vật ghê tởm đuổi theo mấy đứa con nít nhỏ xíu. Nội dung của cuốn sách toàn nói về những vụ giết người, mất tích và... con cũng không biết nữa... những nỗi đau và những cảm xúc." Thực tế, nội dung của cuốn sách hoàn toàn bị mắc kẹt trong đầu của Patty gần như là những hình ảnh đồi trụy vậy; đó là cụm từ hay né tránh cô ta nhất, có lẽ bởi vì cô ta không bao giờ dùng cụm từ ấy trong đời, mặc dù hiểu nó mang nghĩa gì. "Nhưng Stan có cảm giác như là anh đã tìm thấy một trong những người bạn thân thời thơ ấu của mình một lần nữa... Anh có nói với con về chuyện viết thư cho người đó, nhưng con biết anh sẽ không làm vậy... Con biết những cuốn sách đó cũng khiến người đó cảm thấy đau khổ nữa... và... và..."

Và rồi Patty Uris bắt đầu khóc.

Vào đêm đó, sáu tháng trước ngày kỉ niệm hai mươi tám năm George Denbrough gặp Pennywise - chú hề vui nhộn, Stanley và Patty ngồi trong phòng khách nhà họ ở vùng ngoại ô của Atlanta. Chiếc TV được bật lên. Patty ngồi trên chiếc ghế sofa được đặt ngay phía trước chiếc TV, vừa may đồ vừa coi gameshow mà cô yêu thích, Family Feud. Patty rất thích Richard Dawson (người dẫn chương trình) và nghĩ rằng đây đồng hồ mà ông hay mang nhìn cực kỳ sexy. Cô ta cũng thích chương trình đó luôn bởi vì cô ta luôn chọn trúng đáp án phổ biến nhất mỗi khi coi (trong chương trình Family Feud không hề có đáp án đúng; chỉ có đáp án phổ biến thôi). Patty hỏi Stan là tại sao những câu hỏi chương trình đưa ra quá dễ mà những người chơi lại không trả lời được. "Đứng trên sân khấu bên dưới ánh đèn có lẽ làm cho

người chơi hồi hộp hơn đó em," Stanley trả lời, và dường như Patty thấy bóng tối vừa mới lướt qua mặt anh ta. "Tất cả mọi câu hỏi đều trở nên có vẻ khó khi chơi trực tiếp. Và đó là lý do tại sao họ trả lời không được."

Có lẽ điều đó rất đúng, cô nghĩ. Stanley đôi lúc có cái nhìn sâu sắc về bản chất con người. Còn đỡ hơn là người bạn cũ của anh ta, William Denbrough, người mà tối ngày viết ba cái cuốn sách kinh dị nói về những điều tàn ác, vô nhân đạo.

Vùng ngoại ô, nơi họ đang sinh sống, là một nơi yên bình, và ngôi nhà mà họ đã mua với giá \$87,000 vào năm 1979 giờ đây có lẽ đã lên giá tới \$165,000 và có thể được người khác mua ngay lập tức nếu như được bán—đây chỉ là những thông tin thú vị cần biết thôi, chứ cô ta đời nào mà dám bán căn nhà. Đôi khi, Patty lái chiếc Volvo của mình từ khu trung tâm mua sắm Fox Run về nhà (còn Stanley lái chiếc Mercedes diesel—cô ta hay gọi nó là chiếc Sedanley để ghẹo anh ta), và khi tới nơi, cô chỉ đậu xe ngay trước hàng rào và suy nghĩ: Ai ở đây nhỉ? Đương nhiên là quý cô Uris rồi! Đây không phải là một ý nghĩ hoàn toàn nói về sự hạnh phúc; thứ được trộn lẫn trong đó là sự tự hào vô cùng mãnh liệt, và nó mãnh liệt tới nỗi đôi lúc cô ta cảm thấy mệt vì nó. Để tôi kể vì sao nhé, ngày xưa ngày xưa, có một cô gái tên là Patricia Blum, mười tám tuổi, bị từ chối tham dự một bữa tiệc được tổ chức sau buổi dạ hội trong một câu lạc bộ ở thị trấn Glointon, New York. Cô ta bị từ chối đương nhiên là bởi vì họ của cô khi đọc thành tiếng nghe giống như từ plum (trái mận). Điều đó quả thực chính xác, người cô ta ốm như trái mận vậy, đã thể xuất thân là người Do Thái nữa mới ghê chứ. Kể từ năm 1967, cô đã bị kỳ thị như vậy rồi. Sự kỳ thị, phân biệt đối xử theo giới tính, chủng tộc và tôn giáo là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng may mắn làm sao, điều đó hiện nay không còn nữa. Ngoại trừ một phần trong tâm trí của cô điều đó sẽ không bao giờ chấm dứt. Một phần trong tâm trí cô sẽ luôn nhớ tới lúc bước đi bên cạnh Michael Rosenblatt, lắng nghe tiếng những viên sỏi nằm trên đường bị nghiền nát bởi đôi guốc của cô và đôi giày tây do anh ta thuê trong lúc quay

trở lại chiếc xe hơi mà Michael đã mượn từ ba mình để đi đánh bóng cho nó vào buổi chiều và để đi chơi vào buổi tối. Một phần trong tâm trí của cô sẽ luôn nhớ tới khoảnh khắc Michael bận chiếc áo vest màu trắng và bước đi bên cạnh cô, và chiếc áo đó đã chiếu sáng lấp lánh trong màn đêm như thế nào! Còn cô thì bận một bộ đầm dạ hội màu xanh lá mà mẹ cô cho rằng nó biến cô thành một nàng tiên cá, và cái ý nghĩ trở thành một nàng tiên cá xuất thân là Do Thái thật nực cười. Cả hai người bước đi, đầu ngẩng cao và cô ta không hề khóc-không phải ngay lúc này-cô ta hiểu rằng họ cần phải rón rén quay trở lại chiếc xe, vâng, rón rén quay trở lại. Cả hai người chưa bao giờ cảm thấy thực sự Do Thái như ngay lúc này, họ cảm thấy họ như là trò đùa hay những thứ cặn bã của xã hội và rất muốn nổi điên lên nhưng không thể-ngọn lửa tức giận của họ chỉ bùng lên khi tất cả mọi thứ đều chấm dứt. Vào thời điểm đó, cô ta chỉ có thể cảm thấy xấu hổ và buồn bã mà thôi. Và rồi có tiếng ai đó cười. Một giọng cười khúc khích nghe như những nốt nhạc chạy loạn xạ trên những phím đàn piano làm chói cả tai. Bước vào chiếc xe hơi, cô bắt đầu khóc nức nở. Mike (tức là Michael) Rosenblatt đặt bàn tay ấm áp của mình lên sau gáy cô để đỡ, nhưng ngay sau đó, cô bắt anh ta phải bỏ tay ra và để cô yên. Cùng một lúc, cô gái cảm thấy vô cùng xấu hổ, vô cùng thấp hèn, và vô cùng Do Thái.

Chính cái ngôi nhà nằm ở phía sau hàng rào này đã làm cho cuộc sống của cô trở nên tốt đẹp hơn, và nó đã vơi đi nỗi buồn quá khứ của cô... nhưng chỉ là một phần nào đó thôi. Nỗi đau và sự tủi nhục vẫn còn đó, và chúng vẫn không chịu biến đi, mặc dù giờ đây cô đang sống ở một nơi mà hàng xóm đa phần là thân thiện, giàu có và không nhiều chuyện. Hình ảnh cô và Mike Rosenblatt bước đi cùng nhau vẫn lớn vồn trong đầu cô, và tiếng của những viên sỏi bị nghiền nát dưới chân hai người vẫn còn vang bên tai cô. Thậm chí ngay cả việc trở thành thành viên của câu lạc bộ này, nơi mà những người bồi bàn luôn trân trọng chào đón hai vợ chồng bằng câu 'Chào buổi chiều, thưa ngài và quý cô Uris' vẫn không thể hàn gắn nỗi đau của cô được. Thông thường, khi về tới nhà sau khi đã đi đâu đó, cô ta tự nhốt mình vào trong

chiếc Volvo 1984, và ngắm ngôi nhà xinh đẹp của mình nằm trên bãi cỏ xanh mướt, và nhớ tới cái giọng cười khúc khích nghe chói tai đó. Và cô ta hy vọng rằng cái con nhỏ sở hữu cái giọng cười góm ghiếc đó giờ đây đang sống trong một căn nhà tồi tàn cùng với một thằng chồng rượu chè, cờ bạc và bạo hành tối ngày. Cô ta còn mong con ác phụ đó đã có bầu với thằng này tới ba lần, và cả ba lần đều bị sảy thai hết, không những vậy, thằng chồng của nó còn đi ngoại tình với một con đàn bà khác để rồi bị dính si đa và nhiều thứ bệnh, rồi sau đó về nhà lây cho nó.

Tất nhiên, cô rất ghét những ý nghĩ cực đoan này. Cô tự hứa với bản thân sẽ sống tốt hơn sau tất cả mọi chuyện, và dẹp đi những ý nghĩ thù hằn. Ngày tháng trôi qua, cô ta cố quên đi quá khứ đau thương, và cố gắng không chất chứa nỗi căm hờn trong lòng. Cô thường hay tự trấn an mình: Dù sao đi chăng nữa thì mọi chuyện cũng đã qua rồi. Tôi không còn là đứa con gái mười tám tuổi như xưa nữa. Tôi bây giờ là một người phụ nữ ba mươi sáu tuổi đã trưởng thành. Đứa con gái năm xưa, người mà liên tục nghe thấy tiếng của những viên sỏi nằm trên đường bị nghiền nát, và bắt anh chàng Mike Rosenblatt phải bỏ tay ra khỏi người mình vì anh ta cũng là người Do Thái, đã chết rồi. Và kể cả con tiên cá cũng vậy. Cuối cùng thì tôi cũng đã có thể quên đi ả ta, và sống đúng với bản thân mình. Ý nghĩ thì nghe hay lắm. Nhưng không, mỗi lần cô ta đi đâu đó-như siêu thị chẳng hạn-cô lại nghe thấy giọng cười khúc khích bất thành linh phát ra từ lối đi bên cạnh. Lúc đó, cô sẽ cảm thấy ngứa khắp người, đầu ti của cô sẽ tự động nhô lên trong sự đau đớn, tay cô sẽ tự động nắm chặt vào nhau, hoặc nắm vào tay cầm của chiếc xe đẩy trong siêu thị, và một ý nghĩ sẽ xuất hiện trong đầu cô: Có kẻ nào đó vừa mới gọi tôi là một tên Do Thái hèn mọn, và Stanley cũng như thế; hẳn còn mĩa mai rằng chúng tôi được tham gia câu lạc bộ ấy vào năm 1981 vì Stanley làm kế toán, đương nhiên là tụi Do Thái đứa nào cũng giỏi là ba cái việc tính toán hết, thật là tức cười. Hoặc cô ta chỉ nghe thấy tiếng vỗ vụn của những viên sỏi và nghĩ đến Tiên cá! Tiên cá!

Rồi sau đó nỗi căm hận và tủi nhục sẽ tràn về như một cơn đau đầu và cô ta sẽ cảm thấy đau đớn đến cùng cực. Đã vậy cuốn tiểu thuyết về người sói của Denbrough khiến cho tâm trạng của cô càng thêm tụt dốc hơn nữa. Cô đã cố gắng đọc nó nhưng không thể. Người với chả sói, đúng là tào lao. Anh ta biết gì về người sói cơ chứ?

Tuy nhiên, thông thường thì cô ta cảm thấy bản thân mình bây giờ có giá trị hơn hẳn. Cô giờ đây đã chồng, có một mái ấm hạnh phúc, và cô thực sự yêu bản thân mình và cuộc sống này. Mọi thứ ít khi được tốt đẹp như thế này. Nhưng liệu cuộc sống của cô có thực sự hạnh phúc như vậy hay không? Khi cô đeo nhẫn và chấp nhận lời cầu hôn từ Stanley, ba mẹ cô đều trở nên tức giận và khó chịu. Trước đó, cô có cơ hội gặp anh ta trong một bữa tiệc của một hội nữ sinh trong trường đại học. Stanley-lúc đó nhận được học bổng và là sinh viên của trường đại học New York-ghé sang trường của cô chơi. Cả hai người đều được giới thiệu với nhau bởi một người bạn khác, và đến khi trời gần sụp tối, cô có cảm giác rằng mình đã yêu anh ta. Khi những ngày nghỉ giữa kỳ bắt đầu, cái cảm giác ấy ngày càng rõ rệt hơn. Và cho đến khi mùa xuân đến, Stanley tặng cho cô một chiếc nhẫn nhỏ có gắn viên kim cương và một cành hoa cúc, cô đồng ý cưới anh ta.

Cuối cùng, mặc dù cảm thấy không vui lòng, nhưng ba mẹ của hai người đều phải đồng ý để họ lấy nhau. Bởi vì họ không thể làm gì để ngăn hai người đến với nhau được. Stanley sẽ bước vào thị trường công ăn việc làm-và khi vào đó, anh ta sẽ làm hết sức của mình mà không có sự hỗ trợ của tài chính gia đình, chỉ cần cô con gái của họ là anh ta có thể làm ăn được rồi. Còn Patty, giờ đã trở thành một người phụ nữ thực thụ hăm hai tuổi, sẽ sớm tốt nghiệp đại học và lấy được bằng BA.

"Như vậy là tôi sẽ phải sống và hỗ trợ cái thằng bốn mắt chó đẻ đó suốt cả cuộc đời khốn nạn này," Patty đã nghe ba mình nói như thế vào một đêm nọ. Cả ba và mẹ cô đã cùng nhau đi ăn tối ở nhà hàng đêm hôm đó, và ông uống

bia hơi nhiều.

"Suyt, nói nhỏ thôi, kéo con bé nghe thấy bây giờ," Ruth Blum nói.

Patty đã thức trắng cho đến gần sáng, đôi mắt cô khô đi vì không còn giọt nước nào để chảy ra, cơ thể vừa lạnh vừa nóng ran, cô hận bọn họ. Patty đã phải mất hai năm trời để có thể quên đi việc này và ngừng ghét hai người ấy; cô không muốn gây thù hằn với ai nữa. Thỉnh thoảng, khi nhìn mình trong gương, cô có thể thấy được những gì mà sự thù hận đó đã gây ra trên gương mặt cô, những nếp nhăn mà nó gây nên. Và đó cũng nói lên cuộc chiến mà chính cô là người chiến thắng. Stanley là người đã giúp cô thành công.

Ba mẹ của anh ta đều quan tâm tới tình yêu và hôn nhân. Đương nhiên, họ không thể tin được số phận con trai mình lại gắn liền với cuộc sống nghèo đói và khổ cực như vậy, tuy nhiên họ luôn tự an ủi nhau rằng 'bọn trẻ chưa làm ra tiền, chỉ là quá nóng vội trong việc cưới hỏi thôi nên giờ phải chịu khổ.' Nhưng thực tế, bọn họ (Donald Uris và Andrea Bertoly) cưới nhau khi chỉ mới hai chục đầu tuổi thôi, và có vẻ như họ quên mất điều đó rồi.

Chỉ có Stanley là tin vào chính mình và tự tin trước tương lai mà thôi, anh ta không hề quan tâm tới những gì ba mẹ mình nghĩ về 'những đứa trẻ hay nóng vội về tất cả mọi thứ.' Và cuối cùng, sự tự tin đó đã hướng Stanley tới một tương lai tốt đẹp hơn, và dập tắt đi những sự lo âu và nghi ngờ của ba mẹ anh. Vào tháng bảy của năm 1972, với dòng mực trên tấm bảng chói lóa của cô, Patty giành được công việc dạy cách tốc ký và tiếng Anh văn phòng ở Traynor, một thị trấn nhỏ nằm bốn mươi dặm về phía nam của Atlanta. Khi nghĩ về cuộc sống của mình sau khi nhận được công việc đó, cô cảm thấy... thật lạ lùng và phi thường. Cô đã phải lập ra một danh sách gồm có bốn mươi việc có thể làm từ các trang quảng cáo trong những tạp chí dành cho giáo viên, rồi sau đó phải viết bốn mươi bức thư trong vòng năm đêm-tám bức trong mỗi buổi chiều-để yêu cầu cung cấp thêm thông tin về công việc, và một lá đơn xin việc cho mỗi bức thư.

Hai mươi hai lá thư hồi âm cho biết công việc đều đã có người làm. Ngoài ra, những lời giải thích về các kỹ năng cần thiết trong những lá thư còn nói rõ ra là cô không đủ khả năng để làm công việc đó; cho nên chuyện viết đơn xin việc chỉ tổ mất thời gian thôi. Cô ta đã đọc và giải quyết xong cả chục bức thư. Cái nào cũng giống như cái nào hết. Rồi Stanley bước vào phòng trong lúc cô đang loay hoay với mớ lá thư và suy nghĩ liệu mình có thể viết thêm một chục lá đơn xin việc nữa mà không hề phát điên lên hay không. Anh ta nhìn đồng thư nằm rải rác trên bàn rồi lấy tay chỉ vào lá thư được gửi từ người quản lý các trường học ở Traynor, một lá thư mà khiến cô không thể nào phẫn khích hơn nữa.

"Đây nè," anh ta nói.

Cô ngược mặt lên nhìn, và run rẩy trước sự chắc chắn và thẳng thắn trong giọng nói của anh. "Anh có biết gì về bang Georgia mà em lại không biết không?"

"Không. Anh chỉ thấy nó trên phim thôi."

Cô nhìn anh ta, rồi nhướn lông mày.

"Cuốn Theo Chiều Gió. Vivien Leigh. Clark Gable. 'Anh sẽ nghỉ dề nó dào ngài mai, bởi dì ngài mai là một ngài mới.' Nghe có giống giọng miền Nam không hả, Patty?"

"Dạ có. Nghe rất chuẩn. Anh nói là anh không biết gì về Georgia và chưa bao giờ tới đó, vậy tại sao anh lại-"

"Bởi vì anh nghĩ sao nói vậy."

"Nhưng anh không thể nào biết nói như vậy được, Stanley."

"Anh có thể, em à," anh ta nói một cách đơn giản. "Anh biết chứ." Tiếp tục nhìn anh ta, cô nhận ra anh ấy không hề đùa một chút nào cả: anh ấy đang nói thật. Và cô cảm thấy có thứ gì đó khó chịu đang ở trong người mình.

"Làm sao anh biết được?"

Hồi này, Stanley có cười một tí. Nhưng giờ đây nụ cười đó dần phai nhạt đi, và trong khoảnh khắc đó, anh ấy có vẻ như đang lúng túng. Đôi mắt của anh chột tối sầm lại, cứ như anh ấy đang nhìn vào trong tâm tư của mình vậy, và dò hỏi, nói chuyện với một thiết bị mà nó có thể kêu tíc tắc và canh giờ, nhưng mà không một ai có thể hiểu được chức năng của chiếc đồng hồ trên cổ tay của anh.

"Con rùa đó không thể giúp bọn tôi," anh bất chợt nói. Anh ấy nói rất rõ ràng. Cô ta nghe được. Cái nhìn sâu thăm thăm đó-cái nhìn chứa đầy sự bất ngờ-vẫn còn ở trên khuôn mặt anh, và nó bắt đầu khiến cho cô cảm thấy lo sợ.

"Stanley? Anh đang nói gì thế? Stanley?"

Anh ta giật mình. Tay của anh quơ trúng đĩa đào mà cô ăn trong lúc ngồi đọc những lá thư hồi âm. Nó rơi xuống đất và bể. Đôi mắt của anh trở lại bình thường.

"Chết cha! Anh xin lỗi."

"Không sao đâu. Stanley-mới này anh nói cái gì vậy?"

"Anh quên rồi," anh ấy nói. "Nhưng thiết nghĩ bây giờ chúng ta nên nói về Georgia, em yêu."

"Nhưng mà-"

"Tin anh đi," anh ấy nói vậy nên cô tạm tin.

Buổi phỏng vấn của cô diễn ra vô cùng tuyệt vời. Cô ấy biết tin mình được nhận vào làm trong lúc lên xe lửa trở về thành phố New York. Người đứng đầu của Bộ phận Kinh doanh có hứng thú với Patty, và cô ấy cũng vậy. Lá thư xác nhận được gửi một tuần sau đó. Bộ phận của trường Traynor có thể trả cho cô tới \$9,200 và cung cấp hợp đồng thử việc.

"Mày sẽ chết vì đói đấy," Herbert Blum bảo khi cô con gái của ông nói rằng cô sẽ nhận làm công việc này. "Và mày sẽ trở nên hot khi mày chết đói đấy."

"Vớ va vớ vẩn. Đúng là tào lao bí đao," Stanley nói khi cô kể cho anh ta nghe những gì mà ba cô đã nói. Cô cảm thấy vô cùng tức giận, muốn khóc, nhưng bây giờ cô lại bắt đầu cười khúc khích, rồi Stanley kéo cô vào lòng mình.

Cho dù có khổ cực như thế nào đi chăng nữa thì họ vẫn yêu nhau đắm đuối. Cả hai người kết hôn vào ngày mười chín, tháng tám, năm 1972. Patty Uris, hay còn gọi là trinh nữ, lên giường. Cô cởi hết quần áo ra, và chui vào mền trong một khách sạn nằm ở vùng the Poconos. Ngọn lửa của sự ham muốn và dục vọng bên trong cơ thể cô trỗi dậy, và cô như một cơn bão điên cuồng đang từ từ kéo đến. Và khi Stanley lên giường nằm cạnh cô với một cơ thể đầy cơ bắp, không một mảnh vải che thân, và dương vật của anh cương lên từ chùm lông mu, cô thì thầm bên tai anh: "Đừng làm em đau nhé, anh yêu."

"Yên tâm, anh sẽ không bao giờ làm em đau đâu," anh ấy nói trong lúc kéo cô vào trong vòng tay mình, và đây là lời hứa mà anh ấy giữ mãi cho đến tận ngày hăm bảy, tháng năm, năm 1985-vào đêm anh đi tắm.

Công việc giảng dạy của cô diễn ra suôn sẻ. Stanley nhận công việc lái xe

tải cho một cửa hàng bán bánh mì, và được trả một trăm đô la mỗi tuần. Vào tháng mười một năm ấy, khi mà trung tâm thương mại Traynor vừa được khai trương, anh ta làm việc cho văn phòng H & R, và được nhận một trăm năm chục đô. Như vậy tổng số tiền thu nhập hằng năm của hai vợ chồng là \$17,000-đây là số tiền đủ để trang trải cuộc sống của hai người, khi ấy mỗi gallon xăng được bán với giá năm mươi lăm cents và một ổ bánh mì được bán với giá thấp hơn năm cents. Vào tháng ba năm 1973, Patty Uris đẹp thuốc ngừa thai đi.

Vào năm 1975, Stanley nghỉ việc ở văn phòng H & R và tự mở một doanh nghiệp của riêng mình. Ba mẹ của cả hai người đều nghĩ rằng đây là một ý tưởng điên rồ. Không phải là họ không cho Stanley kinh doanh-chỉ có Chúa Trời mới cấm được anh ta! Mà họ chỉ nghĩ anh ấy còn quá non nớt để làm việc đó, không những vậy, việc đó sẽ còn đặt gánh nặng về tài chính lên Patty. ("Ít ra cho tới khi thằng chó đó làm cho con bé có bầu," Herbert Blum buồn bã nói với anh trai mình sau một đêm uống rượu trong nhà bếp, "sau đó tôi sẽ phải một thân một mình nuôi đứa cháu.") Ba mẹ hai người đều có quan điểm chung đó là một người đàn ông khi còn trẻ tuyệt đối không được nghĩ tới chuyện kinh doanh cho tới khi người đó đã đạt đến độ tuổi chín chắn và trưởng thành-như bảy mươi tám tuổi chẳng hạn.

Và một lần nữa, Stanley lại tỏ ra vô cùng tự tin. Anh ta trẻ, thông minh, sáng sủa, lại còn lịch thiệp nữa. Anh ấy đã liên lạc với Block để làm việc với họ. Và những điều đó đều là sự thật. Nhưng có thể anh ấy đã không biết rằng Corridor Video, một nhà tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh băng video, sắp sửa dời tới một mảnh đất rộng cho thuê để lập nghiệp, mà cách đó dưới mười mét là khu vực mà gia đình Uris chuyển tới ở vào năm 1979, hoặc có thể anh ấy đã không biết rằng Corridor sẽ có mặt trong thị trường để khảo sát ý kiến cá nhân về thị trường một năm sau khi nó được dời tới Traynor. Mà cho dù có biết thông tin này đi chăng nữa, thì anh chắc chắn vẫn không tin được là họ sẽ mượn một kẻ Do Thái bốn mắt đến từ phía Bắc vô làm việc-

một kẻ Do Thái hay cười toe toét, có tướng đi trông thật kỳ cục, hay mặc quần ống loe vào những ngày nghỉ làm, và trên khuôn mặt hắc vẫn còn đầy mụn trứng cá. Tuy nhiên họ đã nhận anh vô làm. Đã nhận. Và dường như Stan đã biết trước điều này lâu rồi.

Việc anh làm cho CV dẫn tới việc anh được tuyển vào vị trí full-time trong công ty-lương mỗi năm giờ là \$30,000.

"Đó chỉ mới là sự khởi đầu thôi đấy," Stanley nói với Patty trong lúc nằm trên giường vào buổi tối hôm ấy. "Việc kinh doanh sau này sẽ cực kỳ thành công, tiền sẽ mọc nhanh như những trái bắp. Và nếu như không có chuyện gì xấu xảy ra trong vòng mười năm tới, công ty anh sẽ được ghi danh lên bảng xếp hạng cùng với Kodak và Sony và RCA."

"Vậy lúc đó anh sẽ làm gì?" cô hỏi, mặc dù đã biết câu trả lời.

"Anh sẽ nói với công ty rằng anh rất vui khi được làm việc với họ," anh nói, rồi cười, rồi kéo cô lại gần mình, rồi hôn cô. Vài phút sau, anh trèo lên người cô, rồi cả hai người cùng nhau lên đỉnh-một, hai, và ba, như những tên lửa được phóng lên bầu trời... nhưng cô vợ vẫn chưa hề mang thai.

Việc anh làm cho Corridor Video đã giúp anh gặp gỡ và tiếp xúc được một vài quý ông quyền lực nhất và giàu có nhất ở thành phố Atlanta-và cả hai người đều vô cùng kinh ngạc khi thấy những người đàn ông này thực sự quá đổi tuyệt vời. Họ nhận ra bên trong những người đàn ông này là sự bao dung, phóng khoáng và tốt bụng mà hầu như không một ai đến từ phía Bắc có hết. Patty có nhớ một lần Stan viết thư gửi cho ba mẹ anh: Những người đàn ông giàu có nhất và tuyệt vời nhất ở Mỹ đều sống ở thành phố Atlanta, bang Georgia. Con sẽ giúp cho một số người đó trở nên giàu hơn, và đáp lại, họ sẽ cũng sẽ giúp con trở nên giàu có hơn, và sẽ không một ai có quyền sở hữu, kiểm soát và quyết định cuộc sống của con hết, ngoại trừ Patricia, bởi vì cô ấy là của con, của con.

(Đoạn 1 chương 3 chưa hết nhé)